

CHIẾN LƯỢC XUẤT KHẨU QUỐC GIA VIỆT NAM

THUẬN LỢI HÓA THƯƠNG MẠI

Lời cảm ơn và miễn trừ trách nhiệm

Dự án hỗ trợ kỹ thuật “Chính sách thương mại và xúc tiến xuất khẩu của Việt Nam do Chính phủ Thụy Sĩ tài trợ (Dự án SwissTrade)” do Bộ Công Thương là Cơ quan chủ quản với hỗ trợ kỹ thuật của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC). Mục tiêu của Dự án nhằm hỗ trợ Việt Nam nâng cao thành tích xuất khẩu và năng lực cạnh tranh quốc tế của các doanh nghiệp vừa và nhỏ một cách bền vững thông qua việc cải thiện các điều kiện khung thuận lợi cho phát triển xuất nhập khẩu, tăng cường cơ chế đối thoại công – tư và phát triển hệ sinh thái năng động hỗ trợ xúc tiến xuất khẩu.

Tài liệu này được xây dựng dưới sự bảo trợ của Bộ Công Thương Việt Nam (MoIT) do Vụ Kế hoạch – Tài chính và Cục Xuất nhập khẩu chủ trì và Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) hỗ trợ kỹ thuật. Mục đích của tài liệu là định hướng phát triển thương mại của Việt Nam trong tương lai. Những phát hiện trong tài liệu dựa trên nghiên cứu sâu rộng và là kết quả của nhiều cuộc tham vấn với các bên liên quan cấp quốc gia, cấp ngành. Báo cáo này tóm tắt kết quả hoạt động thương mại và năng lực cạnh tranh của Việt Nam, bao gồm Kế hoạch hành động chi tiết để định hướng cho sự phát triển mạnh mẽ và nâng cấp hơn nữa trong tương lai. Nội dung tài liệu này được đưa vào Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hoá đến năm 2030, Kế hoạch hành động cấp quốc gia và cấp Bộ. Tài liệu này được xây dựng theo quy trình, phương pháp và hỗ trợ kỹ thuật trong khuôn khổ chương trình Chiến lược Phát triển Thương mại của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

Tài liệu này không phản ánh quan điểm chính thức của ITC, Tổng cục Kinh tế Liên bang Thụy Sĩ (SECO) hoặc Bộ Công Thương (MoIT). Việc đề cập đến doanh nghiệp, sản phẩm và thương hiệu sản phẩm trong tài liệu không có nghĩa là chúng tôi chứng thực cho các tổ chức và doanh nghiệp này. ITC không phải là đơn vị chỉnh sửa báo cáo này lần cuối.

Lời cảm ơn

ITC ghi nhận và cảm ơn sâu sắc về hỗ trợ tài chính do SECO tài trợ, cũng như sự cống hiến của các thành viên trong nhóm nòng cốt, các chuyên gia trong nước và quốc tế đã tham gia vào quá trình xây dựng tài liệu này, và sự hỗ trợ chung do Ban Quản Lý Dự án Chính sách thương mại và Xúc tiến xuất khẩu của Thụy Sĩ của Bộ Công Thương.

Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) là cơ quan chung của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và Liên Hợp Quốc (UN). Một trong những nhiệm vụ của ITC là thúc đẩy phát triển bền vững thông qua các cơ hội thương mại gia tăng, bộ phận Nghiên cứu và Chiến lược Xuất khẩu (RSE) đưa ra một bộ giải pháp chiến lược liên quan đến thương mại để tối đa hóa lợi ích phát triển từ thương mại. Các chiến lược và lộ trình phát triển thương mại do ITC hỗ trợ phù hợp với các mục tiêu thương mại của một quốc gia hoặc khu vực và được định hướng để đạt được các mục tiêu kinh tế cụ thể, mục tiêu phát triển hoặc mục tiêu cạnh tranh, theo các ưu tiên của quốc gia.

Danh mục viết tắt

AEC	Cộng đồng Kinh tế ASEAN	ICT	Công nghệ thông tin và truyền thông
AEM	Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế ASEAN	IRU	Liên hiệp Vận tải Đường bộ Quốc tế
AFTA	Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN	IT	Công nghệ thông tin
AMSS	Nền kinh tế các quốc gia ASEAN	ITC	Trung tâm Thương mại Quốc tế
APEC	Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương	MOF	Bộ Tài Chính
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á	MOIT	Bộ Công Thương
ASW	Cơ chế một cửa ASEAN	MOU	Biên bản ghi nhớ
ATFF	Hiệp định Khung ASEAN về Thuận lợi hóa Thương mại	NSW	Cơ chế một cửa quốc gia
ATF-JCC	Ủy ban tham vấn thuận lợi hóa thương mại ASEAN	NSC	Ủy ban Chỉ đạo Quốc gia
ATIGA	Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN	NTFC	Ủy ban Thuận lợi hóa Thương mại Quốc gia
CBTA	Hiệp định vận tải xuyên biên giới	SI	Kiểm tra chuyên ngành
CPTA	Hiệp định Thương mại không Giấy tờ xuyên biên giới châu Á - Thái Bình Dương	TFA	Hiệp định Thuận lợi hóa Thương mại
EAEU	Liên minh Kinh tế Á Âu	UNCTAD	Hội nghị Liên Hợp Quốc về Thương mại và Phát triển
FTA	Hiệp định Thương mại Tự do	VACAPCS	Hệ thống thông quan hàng hóa tự động
GDVC	Tổng cục Hải quan	VCIS	Hệ thống thông tin tình báo Hải quan Việt Nam
GMS	Tiểu vùng Sông Mê Kông Mở rộng	WCO	Tổ chức Hải quan Thế giới
		WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới

Mục lục

LỜI CẢM ƠN VÀ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM	II
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	III

TÓM TẮT CHIẾN LƯỢC	1
GIỚI THIỆU	4
BỐI CẢNH TOÀN CẦU: BƯỚC CHUYỂN SANG ĐỔI MỚI, BAO TRÙM VÀ HỢP TÁC	5
THUẬN LỢI HÓA THƯƠNG MẠI TẠI VIỆT NAM	10
BIỂU ĐỒ MỘT GIAO DỊCH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ ĐIỂN HÌNH	16
HẠN CHẾ VỀ KHẢ NĂNG CẠNH TRANH	18
CÁC VẤN ĐỀ VỀ CHÍNH SÁCH VÀ QUY ĐỊNH	19
VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH	21
HẠN CHẾ CỦA DOANH NGHIỆP	23
CON ĐƯỜNG PHÍA TRƯỚC	24
TẦM NHÌN	24
ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC	24
LĨNH VỰC HÀNH ĐỘNG CHÍNH	26
QUẢN LÝ THỰC HIỆN	27
KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG	29

Danh mục các hình

Hình 1. Các nguyên tắc Cơ bản của Thuận lợi hóa thương mại	4
Hình 2. Các biện pháp thuận lợi hóa thương mại được thực hiện trên toàn cầu, trong năm 2019 và 2021	7
Hình 3. Tổng quan cấp cao về hệ thống thể chế TF ở Việt Nam (đơn giản hóa)	12
Hình 4: Việt Nam thực hiện các biện pháp tạo thuận lợi thương mại giai đoạn 2015-2021	14
Hình 5: Tóm tắt các hạn chế về năng lực cạnh tranh	18
Hình 6: Mục tiêu chiến lược và hoạt động	24

Danh mục bảng

Bảng 1: Bảng 1. Các chỉ số chính của WCO về tạo thuận lợi thương mại để đạt được sự xuất sắc trong hải quan	6
Bảng 2: Các chiến lược và kế hoạch quan trọng liên quan đến tạo thuận lợi thương mại	10
Bảng 3: Việt Nam: Mô phỏng các chỉ số tạo thuận lợi thương mại	11

Danh mục hộp

Hộp 1: Quan điểm của doanh nghiệp vừa và nhỏ về tạo thuận lợi thương mại	5
Hộp 2: Các Trung tâm nhắm mục tiêu trong quy trình quản lý rủi ro	7
Hộp 3: Cải thiện tiêu chuẩn và các cơ quan chứng nhận tạo điều kiện tuân thủ các yêu cầu SPS	8
Hộp 4: Thuận lợi hóa thương mại tại thời điểm khẩn cấp toàn cầu	8
Hộp 5: Các cổng thông tin thương mại chính tại Việt Nam	13



Tóm tắt Chiến lược

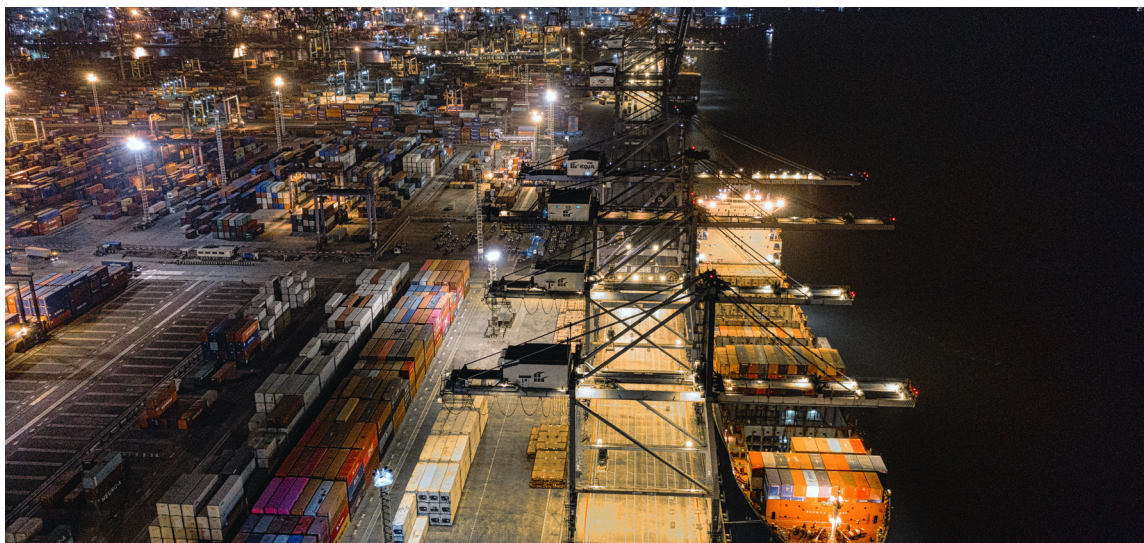
Chiến lược tạo thuận lợi thương mại của Việt Nam là một kế hoạch quốc gia tổng thể nhằm cải thiện hiệu quả thuận lợi hóa thương mại, được xây dựng trên nguyên tắc có lợi đôi bên và công nhận lẫn nhau về thương mại xuyên biên giới. Chiến lược 5 năm được phát triển thông qua hàng loạt các cuộc tham vấn trực tuyến giữa các bên liên quan trong khu vực công và tư nhân. Chiến lược xác định một tầm nhìn rõ ràng và một loạt các hành động cụ thể để tăng cường vai trò của thuận lợi hóa thương mại vì lợi ích và vị thế của Việt Nam trong khu vực. Tối ưu hóa các thủ tục dựa trên rủi ro, tăng cường hợp tác thể chế, cho phép tạo thuận lợi thương mại kỹ thuật số là điều cần thiết để nâng cao năng suất hiện tại. Để đạt được các mục tiêu của Chiến lược, các bên liên quan sẽ cần thực hiện và phối hợp các hành động cụ thể, theo dõi tiến độ và huy động các nguồn lực cần thiết.

Thuận lợi hóa thương mại nổi lên như một yếu tố quan trọng đối với hiệu quả thương mại quốc tế và sự phát triển kinh tế của các quốc gia. Điều này là do tác động của thuận lợi hóa thương mại đối với khả năng cạnh tranh, hội nhập thị trường và tầm quan trọng ngày càng tăng của thuận lợi hóa thương mại trong việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài. Các chu kỳ phân phối và tìm kiếm nguồn cung ứng trên toàn thế giới, đặc trưng bởi các dịch vụ logistic chất lượng và sự xuất hiện của kinh doanh điện tử, đã thúc đẩy các chính phủ đảm bảo các thủ tục thông quan và vượt biên hiệu quả, nhanh chóng và đáng tin cậy. Các nguyên tắc cơ bản của thuận lợi hóa thương mại là minh bạch, đơn giản hóa, hài hòa hóa và tiêu chuẩn hóa, hiện đang được củng cố bởi số hóa.

Những năm gần đây, các sáng kiến quốc gia, khu vực và quốc tế nhằm tạo thuận lợi cho thương mại xuyên biên giới ngày càng nhiều. Nhận thức được sự phù hợp của thuận lợi hóa thương mại đối với kết quả xuất khẩu, các chính phủ ưu tiên chủ đề này trong các chiến lược liên quan đến thương mại và thiết lập các cơ chế thể chế chuyên dụng. Dù độc lập hoặc tích hợp như một phần của các tài liệu chiến lược rộng lớn hơn, thuận lợi hóa thương mại là một yếu tố đóng góp xuyên suốt cho một môi trường kinh doanh thuận lợi. Theo ước tính, 1 đô la viện trợ cho thuận lợi hóa thương mại chuyển đổi thành 70 đô la xuất khẩu cho người nhận.¹

Việt Nam có các cam kết và sáng kiến tạo thuận lợi thương mại sâu rộng ở cấp quốc tế, khu vực và quốc gia. Quyết tâm tăng hiệu quả của các thủ tục thương mại ngang hàng với các nền kinh tế tiên tiến, Việt Nam đã đạt được tiến bộ đáng kể trong 5 năm qua trong việc thực hiện chương trình nghị sự tạo thuận lợi thương mại, bao gồm cả trong khuôn khổ ASEAN. Đến nay, các nỗ lực chủ yếu nhằm vào việc đơn giản hóa các yêu cầu và quy trình, nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro, hài hòa hóa việc thực hiện các quy tắc trên toàn quốc và số hóa các thủ tục xuất nhập khẩu. Các ưu tiên nổi lên gần đây cũng bao gồm sự tham gia mạnh mẽ hơn của cộng đồng doanh nghiệp, khả năng tương tác và đồng bộ hóa các hệ thống điện tử hợp tác quốc tế.

1.— Helble, Mann và Wilson. 'Tạo thuận lợi cho viện trợ thương mại'.



Links, pexels-tom-fisk-3075996.jpg

Nhiều hạn chế về năng lực cạnh tranh được phát hiện ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động ngắn hạn và trung hạn của Việt Nam trong thuận lợi hóa thương mại. Ở cấp độ chính sách và quy định, khung pháp lý không đầy đủ và phân mảnh ảnh hưởng đến việc thực hiện quản lý rủi ro, đặc biệt là kiểm tra chuyên ngành, áp dụng chương trình AEO, xử lý các lô hàng nhanh và giá trị thấp và sử dụng các giải pháp thương mại không cần giấy tờ. Việc hạn chế chính thức hóa tính tương hỗ và công nhận lẫn nhau với các quốc gia khác dẫn đến đánh giá sự phù hợp kép, các yêu cầu chồng chéo và đôi khi từ chối hàng hóa tại cảng đến. Đối với cấp độ thể chế, các lĩnh vực quan tâm bao gồm đối thoại công-tư và sự tham gia mạnh mẽ hơn với cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác cơ quan biên giới, cung cấp dịch vụ theo NSW, sự gắn kết của mạng lưới tình báo thương mại. Từ góc độ doanh nghiệp, các vấn đề chính phát sinh từ việc chưa đủ nhận thức, kiến thức và năng lực liên quan đến thủ tục xuất nhập khẩu.

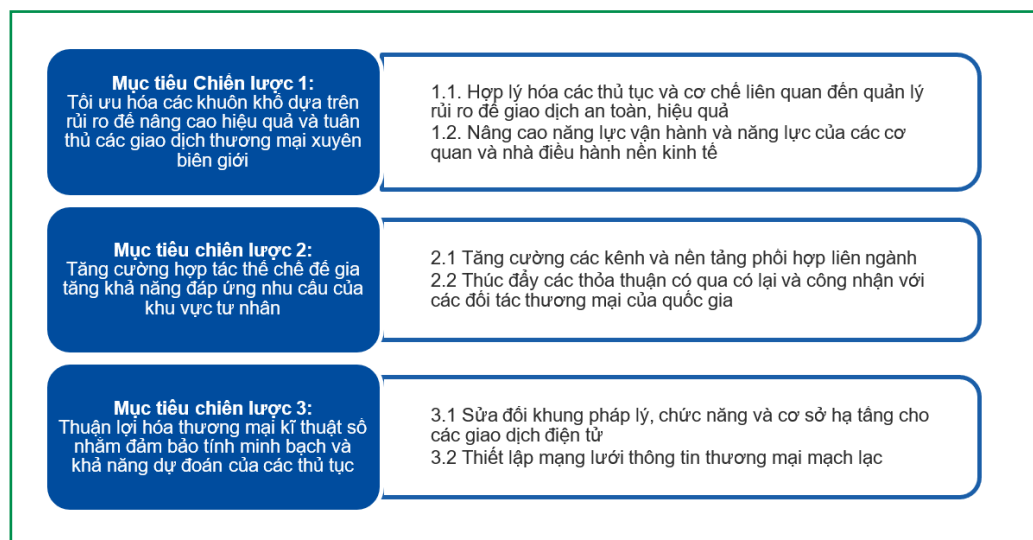
Chiến lược này nhằm thiết lập vững chắc các nền tảng để Việt Nam có thể nâng cao vị thế là đối tác thương mại đáng tin cậy với các giải pháp thuận lợi hóa thương mại thông minh và hiệu quả. Quá trình chuyển đổi như vậy đòi hỏi một nhóm các phản ứng có chủ ý và phối hợp cấu trúc dựa trên tầm nhìn rõ ràng, được củng cố thông qua các mục tiêu chiến lược khả thi và đạt được thông qua một loạt các hành động cụ thể được đặt ra trong Kế hoạch hành động (PoA). Trong ngắn hạn, PoA xác định các hoạt động hướng tới một khuôn khổ dựa trên rủi ro mạnh mẽ, dựa trên các quy trình hiệu quả, minh bạch và đầy đủ thông tin, các giải pháp không cần giấy tờ xuyên biên giới được tăng cường và sự tương tác thường xuyên và phối hợp tốt của nhiều cơ quan. Các hoạt động trung hạn nhằm thiết lập sự phối hợp thể chế xuyên biên giới mạnh mẽ hơn, mạng lưới công nhận lẫn nhau với các nước đối tác, các nền tảng kỹ thuật số kết nối thông minh, cho phép trao đổi dữ liệu với các đối tác bên ngoài.

Là kết quả của quá trình tham vấn công tư, dưới đây mô tả là tầm nhìn và cách tiếp cận chiến lược được đề xuất theo phương hướng này và được thống nhất với các bên liên quan.



**Việt Nam - cửa ngõ tin cậy của thị trường khu vực:
Vận chuyển hàng hóa nhanh hơn, thông minh hơn, nhịp nhàng hơn"**

Tầm nhìn trên sẽ được chuyển thành kết quả cụ thể thông qua việc đạt được ba mục tiêu chiến lược. Những mục tiêu này bắt đầu quá trình tập trung và ưu tiên tầm nhìn. Các mục tiêu đáp ứng với những hạn chế hiện có, xác định các cơ hội và nguyện vọng.



Chiến lược cân nhắc xây dựng để bổ sung và đóng góp vào việc triển khai các kế hoạch và chiến lược cấp quốc gia, thể hiện sự liên kết và liên kết với các chiến lược khác, bao gồm Chiến lược Xuất nhập khẩu Quốc gia 2021 - 2030, Chiến lược Phát triển Hải quan, Chương trình Chuyển đổi số quốc gia, Kế hoạch Quốc gia về Thương mại điện tử 2021 - 2025.

Với việc triển khai Chiến lược này, Việt Nam đặt mục tiêu tạo ra một môi trường pháp lý, thể chế và hoạt động chặt chẽ để tăng cường thực hiện thuận lợi hóa thương mại. Các hoạt động thiết kế nhằm hỗ trợ tối ưu hóa các hệ thống dựa trên rủi ro để tăng hiệu quả và tuân thủ các giao dịch thương mại; tăng cường hợp tác thể chế trong nội bộ và với các đối tác bên ngoài; kích hoạt một hệ sinh thái tạo thuận lợi thương mại kỹ thuật số năng động. Chiến lược là "một tài liệu sống", được củng cố bởi sự tham gia của các bên liên quan nhằm định hướng và điều chỉnh tốt hơn các hoạt động xúc tiến đầu tư theo hướng tác động phát triển.

Việc quản lý thực hiện Chiến lược này sẽ được lồng ghép như một hợp phần của cơ chế quản lý theo Chiến lược Xuất khẩu Quốc gia bao trùm. Để thực hiện thành công Chiến lược cần dựa trên khả năng của tất cả các cơ quan nhà nước và tự nhiên liên quan trong việc điều phối các hoạt động của họ, theo dõi tiến độ và huy động các nguồn lực. Chiến lược này là một bước tiến nhằm định hướng phát triển thuận lợi hóa thương mại của Việt Nam. Việc thực hiện các ưu tiên và duy trì đối thoại công-tư thường xuyên, bao trùm, có sự tham gia là rất quan trọng để tạo động lực từ quá trình thiết kế đến thực hiện các hoạt động, mang lại tác động tích cực và kết quả hữu hình từ Chiến lược.

Giới thiệu

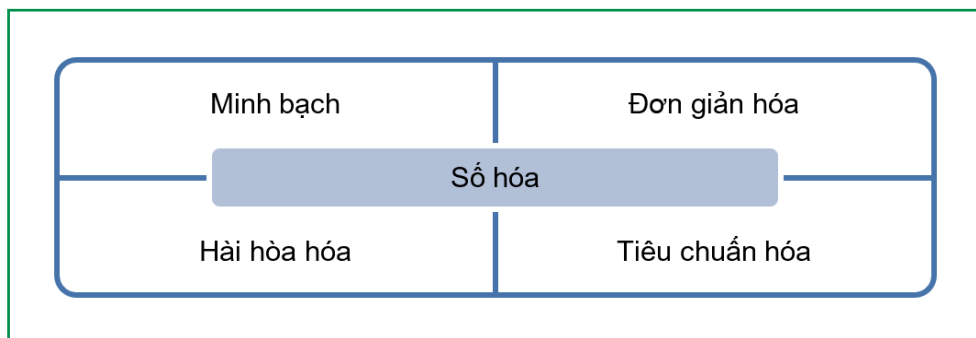
Thuận lợi hóa thương mại đã nổi lên như một yếu tố quan trọng đối với hiệu quả thương mại quốc tế và sự phát triển kinh tế của các quốc gia. Điều này là do tác động của thuận lợi hóa đối với khả năng cạnh tranh, hội nhập thị trường và tầm quan trọng ngày càng tăng trong việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài. Các chu kỳ phân phối và tìm kiếm nguồn cung ứng trên toàn thế giới, đặc trưng bởi các dịch vụ hậu cần chất lượng và sự xuất hiện của kinh doanh điện tử, đã thúc đẩy các chính phủ đảm bảo các thủ tục thông quan và vượt biên hiệu quả, nhanh chóng và đáng tin cậy.

Điều này là do tác động của thuận lợi hóa đối với khả năng cạnh tranh, hội nhập thị trường và tầm quan trọng ngày

càng tăng trong việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài. Các chu kỳ phân phối và tìm kiếm nguồn cung ứng trên toàn thế giới, đặc trưng bởi các dịch vụ hậu cần chất lượng và sự xuất hiện của kinh doanh điện tử, đã thúc đẩy các chính phủ đảm bảo các thủ tục thông quan và vượt biên hiệu quả, nhanh chóng và đáng tin cậy: *"đơn giản hóa, tiêu chuẩn hóa và hài hòa hóa các thủ tục và luồng thông tin liên quan cần thiết để vận chuyển hàng hóa từ người bán sang người mua và thanh toán"*.

Các nguyên tắc cơ bản của thuận lợi hóa thương mại là minh bạch, đơn giản hóa, hài hòa hóa và tiêu chuẩn hóa (Hình 1).

Hình 1. Các nguyên tắc Cơ bản của Thuận lợi hóa thương mại



Nguồn: ITC phát triển dựa trên Hướng dẫn Thực hiện Thuận lợi hóa Thương mại của Liên Hợp Quốc

Tính minh bạch: Tính minh bạch trong chính phủ thúc đẩy sự cởi mở và trách nhiệm giải trình đối với các hành động của chính phủ và chính quyền. Điều này yêu cầu phải tiết lộ thông tin để công chúng có thể dễ dàng truy cập và sử dụng. Thông tin này có thể bao gồm luật, quy định và quyết định hành chính về áp dụng chung, ngân sách, quyết định mua sắm và các cuộc họp.

Đơn giản hóa: Đơn giản hóa là quá trình loại bỏ tất cả các yếu tố không cần thiết và trùng lặp trong các thủ tục, quy trình và thủ tục thương mại.

Hài hòa hóa: Hài hòa hóa là sự liên kết của các thủ tục, hoạt động và tài liệu quốc gia với các công ước, tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế. Điều này có thể đến từ việc áp dụng và thực hiện các tiêu chuẩn tương tự các nước đối tác, như là một phần của quá trình hội nhập khu vực hoặc do các quyết định kinh doanh.

Tiêu chuẩn hóa: Tiêu chuẩn hóa là quá trình phát triển các định dạng cho thực hành và thủ tục, tài liệu và thông tin được quốc tế đồng ý bởi các bên khác nhau. Các tiêu chuẩn sau đó được sử dụng để sắp xếp và cuối cùng, hài hòa các thực hành và phương pháp.

Số hóa: Số hóa đóng vai trò như một yếu tố thúc đẩy và là điều bắt buộc hiện tại để nâng cao hiệu suất, tạo thuận lợi thương mại. Sử dụng các công nghệ hiện đại làm thay đổi việc cung cấp thông tin, trao đổi dữ liệu, tài liệu cũng như tự động hóa các quy trình xuất nhập khẩu nhất định (ví dụ: kiểm tra, xác nhận).

Để đạt được những nguyên tắc này, sự hợp tác toàn diện giữa các cơ quan chính phủ và với cộng đồng doanh nghiệp là điều cần thiết.

Bối cảnh toàn cầu: bước chuyển sang đổi mới, bao trùm và hợp tác

Chương trình nghị sự chính sách thương mại toàn cầu đề cao thuận lợi hóa thương mại, với trọng tâm là các cam kết ràng buộc trong khuôn khổ Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Xuất hiện trên phạm vi quốc tế vào những năm 1970, chủ đề tạo thuận lợi thương mại đã trở nên nổi bật vào năm 2017 với Hiệp định Thuận lợi hóa Thương mại của

WTO. Tính đến tháng 8/2022 (5 năm sau khi Hiệp định có hiệu lực), 155 thành viên WTO đã phê chuẩn TFA và tham gia thực hiện. Tỷ lệ cam kết thực hiện ở mức 75,4% trong năm 2022 đối với tất cả các thành viên WTO; chỉ số này thậm chí còn cao hơn đối với các nước đang phát triển, ở mức 77,4%.²

Hộp 1: Quan điểm của doanh nghiệp vừa và nhỏ về tạo thuận lợi thương mại

Hoạt động với nguồn lực tài chính và nhân lực ít hơn, các doanh nghiệp vừa và nhỏ đặc biệt nhạy cảm với sự phức tạp, thời gian và chi phí của các thủ tục biên giới. Chi phí thương mại được ước tính chiếm tỷ trọng cao trong giá trị xuất khẩu của họ. Theo một nghiên cứu của ITC và WTO, chi phí tuân thủ tương ứng tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể lớn hơn 10-30 so với các doanh nghiệp lớn. Điều này một phần phản ánh sự tham gia thấp hơn của các doanh nghiệp vừa và nhỏ vào hoạt động xuất khẩu: trong khi doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm 90% tổng số doanh nghiệp, họ chỉ chịu trách nhiệm cho 18% xuất khẩu ở các nước đang phát triển.

Với việc thực hiện TFA, chi phí thương mại trung bình dự kiến sẽ giảm tới 15% với các nước đang phát triển được hưởng lợi nhiều hơn. Đổi lại, các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể tăng 60% đến 80% doanh số bán hàng SME xuyên biên giới ở một số nền kinh tế (Diễn đàn Kinh tế Thế giới). Một cách gián tiếp, các doanh nghiệp nhỏ cũng có thể được hưởng lợi thông qua sự gia tăng xuất khẩu của các công ty lớn như một phần của chuỗi cung ứng của họ. Việc thực hiện TFA sẽ có tác động lớn hơn đến thương mại quốc tế so với việc loại bỏ tất cả các mức thuế còn lại của thế giới.

Nguồn: OECD, 2018, Thúc đẩy sự tham gia nhiều hơn của doanh nghiệp vừa và vào một nền kinh tế hội nhập toàn cầu; ITC và WTO, 2014, Năng lực cạnh tranh và hỗ trợ thương mại của doanh nghiệp vừa và nhỏ ở các nước đang phát triển với chuỗi giá trị toàn cầu; OECD, 2019, Giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ quốc tế hóa thông qua thuận lợi hóa thương mại; Liên minh toàn cầu về tạo thuận lợi thương mại, Hướng dẫn ngắn gọn về Hiệp định tạo thuận lợi thương mại.

Những năm gần đây, ngày càng có nhiều sáng kiến quốc gia, khu vực và quốc tế nhằm tạo thuận lợi cho thương mại xuyên biên giới. Nhận thức được mối quan hệ của thuận lợi hóa thương mại đối với hiệu suất xuất khẩu, các chính phủ ưu tiên chủ đề này trong các chiến lược liên quan đến thương mại của họ và phát triển một thiết lập thể chế chuyên dụng theo chủ đề. Dù độc lập hoặc tích hợp như một phần của các tài liệu chiến lược rộng lớn hơn, thuận lợi hóa thương mại là một yếu tố đóng góp xuyên suốt cho một môi trường kinh doanh thuận lợi. Theo ước tính, 1 đô la viện trợ cho thuận lợi hóa thương mại chuyển hóa thành 70 đô la xuất khẩu cho người nhận.³ Các liên minh khu vực cũng đã chủ động trong việc đơn giản hóa, hài hòa và tiêu chuẩn hóa các thủ tục thương mại. Ngoài các điều khoản thuận lợi hóa thương mại và Chương 5 của Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN (ATIGA),⁴ ASEAN đã tiếp tục xây dựng Khuôn khổ Tạo thuận lợi.

2.— WTO, Cơ sở Hiệp định Tạo thuận lợi Thương mại, truy cập ngày 02.08.2022 từ:

[<https://tfafacility.org/>]

3.— Helble, Mann và Wilson. 'Tạo thuận lợi cho viện trợ thương mại'.

4.— Chương 5 của ATIGA là về Tạo thuận lợi thương mại.

Thương mại, công nhận là động lực chính của phát triển kinh tế và hội nhập khu vực. Chương trình công tác tạo thuận lợi thương mại ASEAN bao gồm các lĩnh vực thủ tục hải quan, quy định và thủ tục thương mại, tiêu chuẩn và sự phù hợp, các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật, Cơ chế một cửa ASEAN (ASW).

Chi phí thương mại vẫn ở mức cao ở nhiều khu vực trên thế giới, gần đây bị ảnh hưởng bởi đại dịch và những thay đổi chính trị toàn cầu. Sự gián đoạn chuỗi cung ứng quốc tế do COVID-19 gây ra và chi phí vận chuyển tăng vọt gần đây đã gây thêm áp lực lên các nhà giao dịch. Ví dụ, chi phí thương mại giữa các thành viên có thu nhập trung bình của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), vốn đã tích cực theo đuổi hội nhập khu vực thông qua thương mại và đầu tư trong những thập kỷ qua, vẫn ở mức tương đương thuế quan 76,7%.⁵

Mặc dù các biện pháp tạo thuận lợi thương mại đã có tiến bộ rõ rệt trong những năm gần đây, thương mại không cần giấy tờ xuyên biên giới vẫn còn nhiều thách thức (Hình 2). Đại dịch đã góp phần đẩy nhanh các giải pháp số cho thủ tục xuất nhập khẩu trong nước và với các nước đối tác. Trong bối cảnh đó, Cơ chế một cửa ASEAN đã dần mở rộng phạm vi trong thời kỳ đại dịch, bao gồm nhiều đối tác hơn và cho phép trao đổi nhiều tài liệu thương mại hơn. Tuy nhiên, mức

độ thực hiện tổng thể của 'thương mại không giấy tờ xuyên biên giới' vẫn thấp hơn đáng kể (38%) so với các loại biện pháp thuận lợi hoá thương mại khác. Theo ước tính⁶, khu vực châu Á - Thái Bình Dương có thể tạo ra lợi ích 600 tỷ USD khi tích hợp số hóa trong các thủ tục thương mại xuyên biên giới.

Hợp tác và phối hợp đại lý, cả trong nước và xuyên biên giới, vẫn là điều kiện tiên quyết để thực hiện suôn sẻ các thủ tục thương mại. Tạo thuận lợi thương mại không phải là một chức năng của một cơ quan, thường được cho rằng là Hải quan, mà là trách nhiệm liên ngành chung. Sự phối hợp hiệu quả được xây dựng trên một khuôn khổ pháp lý và thể chế vững chắc. Ở cấp quốc gia, các cơ quan ký biên bản ghi nhớ (MoU) xác định vai trò và trách nhiệm của họ. Hợp tác xuyên biên giới đòi hỏi các thỏa thuận song phương giữa hai chính phủ sẽ cho phép các hoạt động như công nhận lẫn nhau, hài hòa các hình thức/yêu cầu, trao đổi dữ liệu, xây dựng năng lực.

Bảng 1: Các chỉ số chính của WCO về tạo thuận lợi thương mại để đạt được sự xuất sắc trong hải quan

Danh mục	Danh mục phụ	Chỉ số AEC*
Tạo thuận lợi thương mại và an ninh	Thủ tục hiện đại hóa	Công ước Kyoto sửa đổi
		Khung tiêu chuẩn SAFE
		Nghiên cứu thời gian phát hành
	Công nghệ thông tin	Tờ khai điện tử
		Mô hình dữ liệu
	Quan hệ đối tác và kết nối	Quản lý biên giới phối hợp (CBM)
		Nhà điều hành kinh tế được ủy quyền (AEO)
		Một cửa

Nguồn: WCO. *AEC là viết tắt của 'đạt được sự xuất sắc trong hải quan'.

Đẩy mạnh khái niệm Cơ chế một cửa, năm quốc gia thành viên ASEAN (AMS), trong đó có Việt Nam, đã bắt đầu trao đổi tài liệu điện tử⁷ thông qua hệ thống ASW-NSW. Phạm vi bảo hiểm của ASW sẽ được mở rộng theo thời gian để cho phép các tài liệu điện tử cho tờ khai xuất khẩu, giấy chứng nhận vệ sinh và kiểm dịch động thực vật (SPS) và bản kê khai vận chuyển hoặc các tài liệu liên quan.⁸ ASEAN đang tiếp tục

tìm hiểu khả năng trao đổi các tài liệu thương mại với các Đối tác Đối thoại, bao gồm Hoa Kỳ, Úc, Hàn Quốc và Nhật Bản.⁹

5.— Tạo thuận lợi thương mại kỹ thuật số và bền vững: Báo cáo toàn cầu 2021: <https://www.unescap.org/sites/default/d8files/knowledge-products/UNTF-Global%20Report-web%2B.pdf>

6.— Tạo thuận lợi thương mại kỹ thuật số và bền vững: Báo cáo toàn cầu 2021: <https://www.unescap.org/sites/default/d8files/knowledge-products/UNTF-Global%20Report-web%2B.pdf>

7.— Điều này đặc biệt đề cập đến exchange của Giấy chứng nhận xuất xứ Mẫu D e-ATIGA

8.— Cơ chế một cửa ASEAN và liên kết với e-Phyto: https://assets.ipcc.int/static/media/files/publication/en/2018/02/GhazaliZakaria_ASW_25January_dBhUkbh.pdf

9.— ASEAN Single Window: Achievements, Benefits, and Future Plans, 2020 <https://www.dropbox.com/s/cremp710r53861y/ASW%20all%20in%20One-final%20draft-Jan%202020%20all%2010%20AMS.pdf?dl=0>

Hộp 2: Các Trung tâm nhắm mục tiêu trong quy trình quản lý rủi ro

Các Trung tâm mục tiêu đã trở thành một thành phần quan trọng trong quản lý rủi ro ở Mỹ, Anh và Úc và các nền kinh tế phát triển khác. Họ tập trung thông tin tình báo ở một nơi cho phép các cơ quan Hải quan và bảo vệ biên giới tập trung vào các tuyến đường có nguy cơ cao, cùng với phương pháp tránh phát hiện, thu thập và phân tích thông tin tình báo.

Theo thông lệ của các cơ quan thực thi pháp luật Úc, tình báo và nhắm mục tiêu là chìa khóa để thu giữ ma túy và hàng buôn lậu khác trên đường phố và dọc biên giới. Trung tâm Nhắm mục tiêu Biên giới Quốc gia sử dụng cách tiếp cận dựa trên rủi ro, dựa trên thông tin tình báo để tập trung mục tiêu vào hành khách và hàng hóa quốc

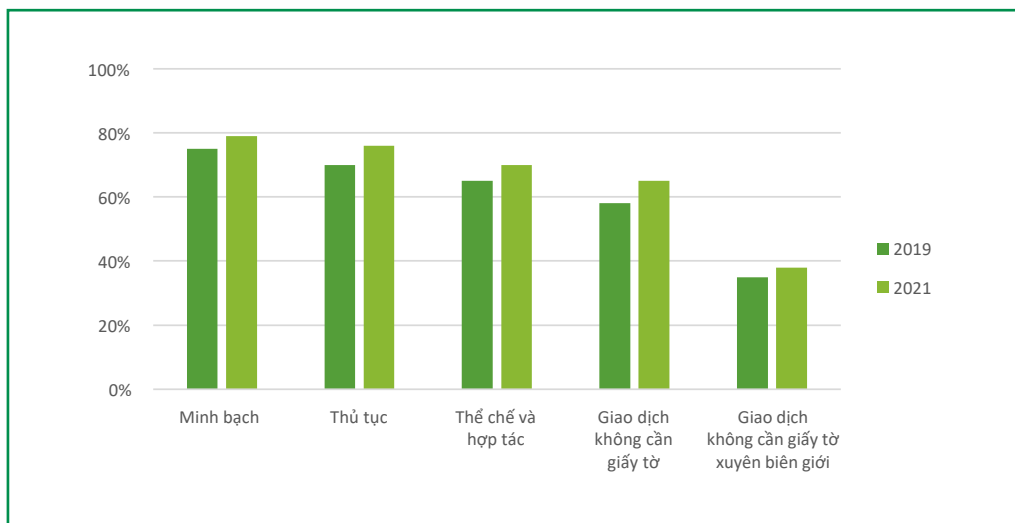
tế có nguy cơ cao. Khoảng 85% các vụ bắt giữ tại biên giới là kết quả của thông tin tình báo được phát triển bởi Hải quan và Bảo vệ Biên giới và các cơ quan thực thi pháp luật khác ở Úc và nước ngoài.

Các lĩnh vực có thể xem xét: mức độ cao của giám sát điện tử và sự cần thiết kết nối; hợp tác xuyên biên giới; điều này có thể yêu cầu đầu tư đáng kể vào cơ sở hạ tầng hỗ trợ, đặc biệt là ở vùng sâu vùng xa.

Một dự án thí điểm có thể được xác định cho một khu vực biên giới cụ thể, nơi các rủi ro giao thông cụ thể đã được đánh giá có thể được coi là một phần của Chính sách quản lý rủi ro quốc gia.

Nguồn: Quản lý rủi ro cho thương mại an toàn, hiệu quả, Hướng dẫn cho các cơ quan quản lý biên giới, ITC, 2022

Hình 2: Các biện pháp thuận lợi hóa thương mại được thực hiện trên toàn cầu, trong năm 2019 và 2021



Nguồn: Tạo thuận lợi thương mại kỹ thuật số và bền vững: Báo cáo toàn cầu năm 2021, Liên Hợp Quốc

Việc sử dụng các công nghệ đang định hình tương lai của thuận lợi hóa thương mại cho phép dòng chảy thương mại đồng thời đảm bảo mức độ phù hợp chấp nhận được. Việc sử dụng các công nghệ kỹ thuật số đã được đẩy nhanh trong đại dịch COVID-19. Trong khi đại dịch dẫn đến chi phí thương mại mới như các nghị định thư mới, kiểm soát biên giới bổ sung và các yêu cầu tài liệu mới, các biện pháp tạo thuận lợi thương mại được thực hiện tại biên giới đã cho phép chuỗi cung ứng tiếp tục hoạt động và đã bù đắp những gánh nặng tiềm ẩn mới này.¹⁰ Các giải pháp thông minh được áp dụng số hóa việc cung cấp thông tin, trao đổi dữ liệu, tài liệu. Việc trao đổi điện tử dữ liệu và tài liệu thương mại qua biên giới

ước tính sẽ tiếp tục giảm gần 8.2% chi phí thương mại cho ASEAN. Hơn nữa, chuyển đổi kỹ thuật số cho phép tự động hóa một số quy trình xuất nhập khẩu nhất định (ví dụ: kiểm tra, xác nhận), đặc biệt đóng góp vào quản lý rủi ro.

Cộng đồng quốc tế đã trải qua sự xuất hiện nhanh chóng của hợp tác xuyên biên giới trong thương mại kỹ thuật số. WTO TFA thiết lập một số hướng trao đổi tài liệu điện tử, bao gồm nghĩa vụ và các điều khoản "nỗ lực tốt nhất". Hiệp định yêu cầu cung cấp trước các tài liệu ở định dạng điện tử để xử lý trước khi đến, đồng thời khuyến khích các thành viên chấp nhận bản sao giấy hoặc điện tử của các tài liệu hỗ trợ cho

10.— Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD). 'Đưa hàng hóa qua biên giới trong thời kỳ COVID-19'

các thủ tục xuyên biên giới. Sử dụng chứng từ và giao dịch điện tử có thể đẩy nhanh thời gian cần thiết để xuất khẩu (trung bình 24%)¹¹ và giảm chi phí liên quan (gần 8,2% đối với ASEAN)¹².

Trong khu vực, các quốc gia đã có những nỗ lực tiến bộ hơn nữa đối với quan hệ đối tác kinh tế kỹ thuật số và hợp tác để

thúc đẩy thương mại không cần giấy tờ. Tại châu Á và Thái Bình Dương, sáng kiến này trở nên đáng chú ý với sự ra đời của Hiệp định khung về tạo thuận lợi cho CPTA vào tháng 2/2021. Các khuôn khổ liên quan khác bao gồm Hiệp định Kinh tế Kỹ thuật số của Singapore và Úc (SADEA) và Thỏa thuận Đối tác Kinh tế Kỹ thuật số (DEPA) của Singapore, New Zealand và Chile.

Hộp 3: Cải thiện tiêu chuẩn và các cơ quan chứng nhận tạo điều kiện tuân thủ các yêu cầu SPS

Trường hợp của Ấn Độ: Cục Tiêu chuẩn Ấn Độ (BIS) đã ký thỏa thuận song phương với các cơ quan tiêu chuẩn quốc gia của Afghanistan, Bhutan, Brazil, Pháp, Đức, Israel, Mauritius, Nigeria, Nam Phi, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất và Hoa Kỳ. BIS cũng đã ký 21 Biên bản

ghi nhớ (MoU) về "tiêu chuẩn hóa và đánh giá sự phù hợp". BIS cũng đã tích cực tham gia vào các diễn đàn khu vực, chẳng hạn như Tổ chức Tiêu chuẩn Khu vực Nam Á (SARSO) và Diễn đàn Tiêu chuẩn Châu Á Thái Bình Dương.

Nguồn: ADB, SASEC, 2020, *Tiềm năng xuất khẩu và hàng rào phi thuế quan đối với thương mại: Nghiên cứu quốc gia Ấn Độ*. Xem tại: <https://www.adb.org/sites/default/files/publication/559296/india-exports-nontariff-barriers-trade-study.pdf> xem thêm: <https://bis.gov.in/index.php/standards/technical-information-services>

Các sáng kiến tạo thuận lợi thương mại sâu rộng cũng bao gồm các công cụ và nền tảng sáng tạo để cộng đồng doanh nghiệp hòa nhập mạnh mẽ hơn. Các công cụ phổ biến nhất để tích hợp và giám sát nhu cầu của khu vực tư nhân là đối thoại công-tư, khảo sát sự hài lòng và gần hơn là các nền

tảng truyền thông kỹ thuật số dành cho phản hồi của khu vực tư nhân. Ví dụ, ASEAN đang ra mắt Nền tảng điện tử tham vấn với khu vực tư nhân, cũng như các vấn đề liên quan đến việc thực hiện các biện pháp phi thuế quan của ASEAN (NTM).

Hộp 4: Thuận lợi hóa thương mại tại thời điểm khẩn cấp toàn cầu

Khi đại dịch bùng phát, các quốc gia trải qua sự cấp bách đảm bảo nguồn cung cấp hàng hóa thiết yếu nhanh chóng và ổn định. Tình trạng khẩn cấp toàn cầu - COVID-19- đã bộc lộ những lỗ hổng của chuỗi giá trị và khẳng định nhu cầu cấp thiết về thuận lợi hóa thương mại trong thời kỳ khủng hoảng. Do đó, các thủ tục hải quan và thông quan biên giới đã được đẩy nhanh bằng cách cắt giảm 'quan liêu'. Các quốc gia đã thiết lập các kênh thông quan ưu tiên, cải thiện hợp tác của cơ quan biên giới, thiết lập xử lý điện tử, giảm bớt

và đơn giản hóa các yêu cầu về tài liệu. Các cải tiến cũng đã được thực hiện để tăng cường phê duyệt quy định và hợp tác về các tiêu chuẩn cho hàng hóa thương mại, bao gồm công nhận kết quả của các cơ quan quản lý nước ngoài và cho phép các thủ tục đánh giá sự phù hợp thực hiện từ xa hoặc điện tử. Về vấn đề này, một số quốc gia hiện chấp nhận bản scan hoặc giấy chứng nhận vệ sinh và kiểm dịch động thực vật điện tử, và các quốc gia tiếp tục gia hạn áp dụng các biện pháp tạm thời khi bắt đầu đại dịch.

Nguồn: Tổ chức Thương mại Thế giới. "Các thành viên WTO đã sử dụng các biện pháp thương mại như thế nào để đẩy nhanh việc tiếp cận hàng hóa và dịch vụ y tế quan trọng do COVID-19". Tổ chức Thương mại Thế giới. "Tiêu chuẩn, quy định và COVID-19 - Các thành viên WTO đã thực hiện những hành động nào?".

11.— Bộ công cụ thương mại không giấy tờ xuyên biên giới, WTO, UNESCAP, UNCITRAL, 2022: https://www.wto.org/english/res_e/booksp_e/paperlesstrade2022_e.pdf

12.— Tạo thuận lợi thương mại kỹ thuật số và bền vững: Báo cáo toàn cầu 2021: <https://www.unescap.org/sites/default/d8files/knowledge-products/UNTF-Global%20Report-web%2B.pdf>



Links, cargo-449784.jpg

Những điểm chính

- Trên bình diện quốc tế, sự phù hợp của Thuận lợi hóa thương mại đã được công nhận với sự ra đời của Hiệp định Tạo thuận lợi Thương mại (TFA) trong khuôn khổ WTO; việc thực hiện nó dự kiến sẽ giảm 15% chi phí thương mại cho các nước đang phát triển.
- Các khối khu vực cũng đã chủ động trong việc đơn giản hóa, hài hòa và tiêu chuẩn hóa các thủ tục thương mại.
- Hợp tác và phối hợp các doanh nghiệp, cả quốc gia và xuyên biên giới, vẫn là điều kiện tiên quyết để thực hiện suôn sẻ các thủ tục thương mại.
- Việc sử dụng các công nghệ đang định hình tương lai của thuận lợi hóa thương mại để cho phép dòng chảy thương mại trong khi đảm bảo mức độ phù hợp chấp nhận được. Chứng từ và giao dịch điện tử có thể đẩy nhanh thời gian cần thiết để xuất khẩu (trung bình 24%) và giảm chi phí liên quan (gần 8,2% cho ASEAN).
- Sự tham gia mạnh mẽ hơn của cộng đồng doanh nghiệp vào phát triển thuận lợi hóa thương mại đã được đảm bảo thông qua PPD thường xuyên, khảo sát và các công cụ và nền tảng phản hồi sáng tạo.

Thuận lợi hóa thương mại tại Việt Nam

Việt Nam có các cam kết và sáng kiến tạo thuận lợi thương mại sâu rộng ở cấp quốc tế, khu vực và quốc gia. Quyết tâm nâng cao hiệu quả của các thủ tục thương mại ngang bằng với các nền kinh tế tiên tiến, Việt Nam đã có những tiến bộ đáng kể trong 5 năm qua trong việc thực hiện chương trình nghị sự tạo thuận lợi thương mại.

Tạo thuận lợi thương mại như một mục chương trình nghị sự thường trực

Tình hình khẩn cấp toàn cầu, khủng hoảng kinh tế và những thay đổi chính trị lớn có ảnh hưởng đến vị thế của Việt Nam

trong chuỗi giá trị toàn cầu. Xem xét định hướng phát triển tổng thể của đất nước và các mục tiêu kinh tế, thuận lợi hóa thương mại đã được ưu tiên trong chương trình nghị sự của chính phủ. Với tính chất xuyên suốt và đa dạng các cơ quan/tổ chức liên quan đến việc thực hiện, chức năng thương mại đã là một thành phần trong các chiến lược và kế hoạch quốc gia và ngành hiện có. Với quan điểm đạt đến trình độ của các nền kinh tế tiên tiến trong việc cho phép thương mại xuyên biên giới, Việt Nam đã và đang xác định các cải cách, điều chỉnh thể chế, và thay đổi quy định và thủ tục để nâng cao hiệu quả hoạt động của mình không chỉ trong khu vực mà còn trên phạm vi quốc tế.

Bảng 2: Các chiến lược và kế hoạch quan trọng liên quan đến tạo thuận lợi thương mại

Tài liệu	Short description
Chiến lược xuất nhập khẩu quốc gia giai đoạn 2021-2030, Quyết định 493/QĐ-TTg	Mục tiêu tổng quát của chiến lược là phát triển bền vững xuất nhập khẩu với cơ cấu cân đối, hài hòa, phát huy lợi thế cạnh tranh và so sánh, phát triển thương hiệu hàng Việt Nam, nâng cao vị thế quốc gia trong chuỗi giá trị toàn cầu, là động lực tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững.
Chiến lược Phát triển Hải quan 2030	<i>Tổng cục Hải quan đã xây dựng định hướng phát triển với Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2030.</i> ¹³ Trọng tâm chính của Chiến lược là hiện đại hóa và số hóa hệ thống Hải quan Việt Nam đạt trình độ của các nước phát triển.
Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia, Quyết định 749/QĐ-TTg	Từ năm 2020, chuyển đổi số là trọng tâm trong chiến lược phát triển kinh tế quốc gia của Việt Nam. Mục tiêu đầy tham vọng cho chính phủ điện tử ở cấp quốc gia, cấp tỉnh, huyện và xã.
Kế hoạch Quốc gia về Thương mại điện tử giai đoạn 2021-2025	Chính phủ đặt mục tiêu mở rộng thị trường trong nước và quốc tế và thúc đẩy thương mại xuyên biên giới thông qua phát triển cơ sở hạ tầng thương mại điện tử hiệu quả (i) cho phép các dịch vụ thanh toán điện tử như NFC, POS, QR code; (ii) cải thiện logistics, kho bãi, xác nhận hợp đồng thông qua công nghệ; và (iii) cho phép phát triển các giải pháp công nghệ để truy xuất nguồn gốc sản phẩm dọc theo chuỗi cung ứng; và các mục tiêu khác.
Chiến lược ngành	Việt Nam đã xác định một loạt các lĩnh vực ưu tiên phát triển có mục tiêu trong ngắn hạn và trung hạn, bao gồm chế biến nông sản, dệt may, chế biến gỗ, điện tử. Trong số những chiến lược khác, các chiến lược này xác định các vấn đề liên quan đến lĩnh vực tạo thuận lợi hóa thương mại như quy trình và cơ sở đánh giá sự phù hợp, công nhận lẫn nhau về đánh giá và chứng nhận chất lượng, truy xuất nguồn gốc, kiểm tra chuyên ngành, v.v.

Nguồn: ITC tổng hợp các tài liệu có tác động đến thuận lợi hoá thương mại.

Việt Nam và WTO

Việt Nam là một trong 154 thành viên WTO đã phê chuẩn Nghị định thư sửa đổi trong nước vào ngày 15 tháng 12 năm 2015, bổ sung TFA vào các cam kết của WTO.¹⁴ Việc thực

hiện hiệu quả TFA có thể giảm tới 20% chi phí thương mại cho Việt Nam.¹⁵ Hiện nay, Việt Nam đang vượt tiến độ ban đầu để thực hiện TFA, với 84,9% cam kết đã được đáp ứng.

13.– Quyết định số 628/QĐ-TTg ngày 20/5/2022
14.– <https://www.tfafacility.org/ratifications> WTO/TFA
15.– https://www.wto.org/english/news_e/spra_e/spra120_e.htm

Tháng 5/2022, Chính phủ đã có thông báo về việc chuyển đổi danh mục và thông báo ngày thực hiện sớm hơn. Việt Nam đã chuyển 3 biện pháp, trước đây đã được thông báo theo Loại C, sang Loại B, giải tỏa yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật. Việc tuân thủ tất cả các cam kết danh mục dự kiến hoàn thành vào tháng 12/2024.¹⁶

Vẫn còn 5 biện pháp thuận lợi hoá thương mại mà Việt Nam đã yêu cầu hỗ trợ và trợ giúp để xây dựng năng lực. Các biện pháp bao gồm cổng thông tin thương mại, thủ tục kiểm tra, quản lý rủi ro, hợp tác đại lý biên giới và Cơ chế một cửa. Để thực hiện, nước ta đã xác định nhu cầu¹⁷ về ICT, nguồn nhân lực và đào tạo, khung pháp lý và quy định, cơ sở hạ tầng và thiết bị, và - ở mức độ thấp hơn - các thủ tục thể chế.

Bảng 3: Việt Nam: Mô phỏng các chỉ số tạo thuận lợi thương mại

Danh mục	Điểm	Tổng
Tính khả dụng của thông tin	33	1.57
Sự tham gia của cộng đồng thương mại	10	1.43
Thông báo kết quả xác định trước	16	2
Thủ tục kháng cáo	13	1.63
Phí và lệ phí	24	1.85
Thủ tục- tài liệu	13	1.63
Thủ tục- tự động hóa	18	1.38
Thủ tục – quy trình	42	1.56
Hợp tác cơ quan biên giới nội bộ	12	1.09
Hợp tác với cơ quan biên giới bên ngoài	8	0.80
Quản trị và tính công bằng	14	1.56

Lưu ý: Các TFI lấy các giá trị từ 0 đến 2, trong đó 2 chỉ kết quả tốt nhất có thể đạt được. Chúng được tính toán dựa trên thông tin trong cơ sở dữ liệu TFIs.

Nguồn: Trình mô phỏng các chỉ số tạo thuận lợi thương mại của OECD (2019)

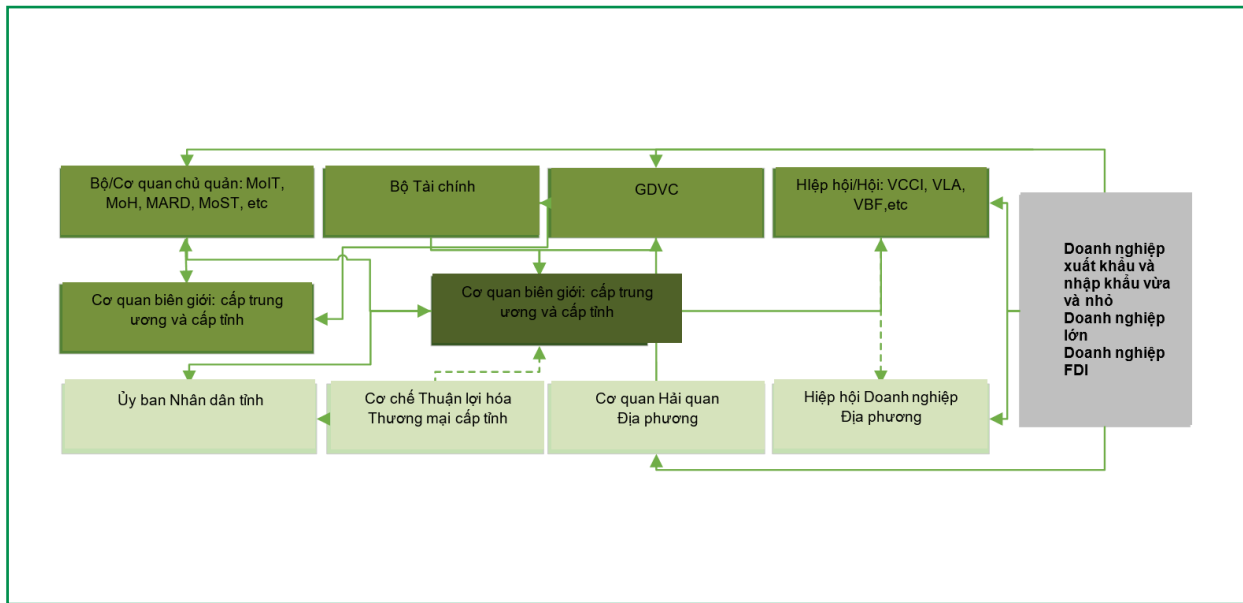
Đối thoại công tư

Đối thoại công tư cấp cao về tạo thuận lợi thương mại được thực hiện thông qua Ban Chỉ đạo Quốc gia về Một cửa ASEAN, Một cửa quốc gia và Thuận lợi hóa thương mại (V-NTFC, Hình 3). V-NTFC được thành lập vào năm 2016 với các quyết định 1899 và 684 của chính phủ. Ban Thư ký được điều hành bởi Tổng cục Hải quan Việt Nam (Tổng cục Hải quan, Cục Thống kê CNTT & Hải quan). Văn phòng của Ủy ban nằm trong bộ phận CNTT của Tổng cục Hải quan, Ủy ban thường được nhận thức trên thực tế rằng do Hải quan lãnh đạo.¹⁸ Ủy ban do Phó Thủ tướng Chính phủ chủ trì, có 22 thành viên, trong đó VCCI đại diện cho khu vực tư nhân. Các cuộc họp của Ủy ban diễn ra thường xuyên, hai lần mỗi năm; các cuộc họp đột xuất cũng có thể thực hiện khi cần thiết.¹⁹

Phạm vi công việc của Ủy ban đã được mở rộng để bao quát một chương trình nghị sự kinh tế rộng lớn hơn, nhưng trên thực tế chủ yếu tập trung vào các nỗ lực của NSW, ASW và SI.

Năm 2019, Quyết định số 684/QĐTTg giao Ủy ban nhiệm vụ tăng cường năng lực cạnh tranh của thương mại và kinh tế. Đồng thời, các Kế hoạch hành động của V-NTFC định hướng công việc theo hướng hoạt động của NSW và quản lý rủi ro.²⁰

16.– <https://tfadatabase.org/members/viet-nam>
17.– Điều 1.2 Thông tin có sẵn qua Internet, Điều 5.3 Quy trình kiểm tra, Điều 7.4 Quản lý rủi ro, Điều 8 Hợp tác cơ quan biên giới, Điều 10.4 Một cửa
18.– Báo cáo đánh giá PPD của ITC, Tháng Mười 2022
19.– V-NTFC do Phó Thủ tướng Chính phủ chủ trì, Phó Chủ tịch Thường trực là Bộ Tài chính, Phó Chủ tịch là Bộ Công Thương
20.– Quyết định số 1254/QĐ-TTg ngày 26/9/2018 và Quyết định số 1258/QĐ-TTg ngày 17/8/2020.

Hình 3: Tổng quan cấp cao về hệ thống thể chế thuận lợi hoá thương mại ở Việt Nam (đơn giản hóa)

Lưu ý: Các mũi tên thể hiện các kết nối đơn giản giữa các tổ chức và không cố gắng đánh giá mức độ tương tác. Tuy nhiên, trong hai trường hợp đường gạch đứt đề cập đến sự tương tác không rõ ràng giữa các tổ chức.

Kết nối hơn nữa với cộng đồng doanh nghiệp

Chính phủ Việt Nam đã thực hiện các sáng kiến để thiết lập đầu vào về sự hài lòng của doanh nghiệp và theo dõi phản hồi của họ thông qua các cuộc khảo sát. Năm 2020, VCCI và Tổng cục Hải quan, với sự hỗ trợ của Chương trình Tạo thuận lợi Thương mại của USAID, đã đánh giá "Sự hài lòng của doanh nghiệp và thời gian cần thiết để thực hiện các thủ tục hành chính thông qua Cơ chế một cửa quốc gia". Một khảo sát khác - "Mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với thủ tục hành chính xuất nhập khẩu" – được thực hiện nhằm xác định những bất cập, hạn chế của doanh nghiệp trong xuất nhập khẩu. Doanh nghiệp đã thể hiện sự hài lòng với một số thủ tục hành chính xuất nhập khẩu, đồng thời kỳ vọng liên tục cải thiện những thủ tục khác.²¹

Thuận lợi hóa thương mại giữa Việt Nam và ASEAN

Chương trình nghị sự Thuận lợi hóa Thương mại của Việt Nam cũng đã được định hình bởi khuôn khổ ASEAN. Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN (ATIGA) năm 2009 bao gồm một chương về tạo thuận lợi thương mại yêu cầu các thành viên áp dụng Chương trình làm việc tạo thuận lợi thương mại

ASEAN (ATFF) toàn diện. Việc thực hiện ATFF được hướng dẫn bởi ATF-JCC²² nơi Bộ Công Thương là đại diện của Việt Nam.²³ ATFF cung cấp một cơ sở để các thành viên có thể tham gia hơn nữa và thúc đẩy thuận lợi hóa thương mại lớn hơn trong khu vực và trong các cơ quan ngành ASEAN có liên quan. Chương trình tạo thuận lợi thương mại ASEAN dựa trên các nguyên tắc cơ bản, bao gồm định hướng, hợp tác, nhất quán và khả năng dự đoán của khu vực tư nhân.

Cơ chế một cửa ASEAN (ASW) là một sáng kiến đầy tham vọng nhằm cho phép gửi dữ liệu một lần, xử lý đồng bộ và ra quyết định thông quan giữa các AMS. Đến nay, Việt Nam đã kết nối với ASW để trao đổi thông tin về C-C/O mẫu D với các AMS khác, các thủ tục khác vẫn đang trong giai đoạn thí điểm. Tính đến hết quý 3/2021, Việt Nam đã nhận được tổng cộng 413.887 C/O từ các AMS khác và đã gửi 1.079.798 C/O đến các AMS khác. Ngoài ra, kể từ tháng 8/2021, Việt Nam đã bắt đầu thử nghiệm việc trao đổi thông tin trên tờ khai hải quan với các nước sẵn sàng về kỹ thuật, bao gồm Indonesia, Brunei, Lào.²⁴

21.– Sự hài lòng của doanh nghiệp đối với thủ tục hành chính xuất nhập khẩu, 2020

22.– Ủy ban Tư vấn chung Tạo thuận lợi Thương mại Đông Nam Á được thành lập để hỗ trợ ATFF tại Cuộc họp lần thứ 38 của AEM vào ngày 22 tháng 8 năm 2016 tại Kuala Lumpur

23.– <https://thitruongvietnam.vn/hoi-nhap/thuan-loi-hoa-thuong-mai-asean-la-dong-luc-cua-phuc-hoi-kinh-te-khu-vuc-225732.html>

24.– <https://haiquanonline.com.vn/235-thu-tuc-hanh-chinh-ket-noi-co-che-mot-cua-quoc-gia-153660-153660.html>

Hộp 5: Các cổng thông tin thương mại chính tại Việt Nam

Có ba cổng thông tin thương mại chính được phát triển vào năm 2022. Những lợi ích tiềm năng của các cổng thông tin này bao gồm giảm thời gian và chi phí tìm kiếm thông tin liên quan đến xuất nhập khẩu, tăng cường tính minh bạch và khả năng thông báo kết quả xác định trước các thủ tục thương mại và tăng cường đối thoại công-tư.

1. Viet Nam Trade Portal (VTIP): <https://www.vietnamtrade-portal.gov.vn/>

VTIP cung cấp thông tin liên quan đến thuế quan, văn bản pháp lý và thủ tục liên quan đến xuất khẩu, nhập khẩu và quá cảnh tại Việt Nam.

2. Thông tin Cổng thông tin Viet-Trade: <https://infoviettrade.vn/>

Cổng thông tin được thiết kế như một cửa hàng một cửa cung cấp thông tin hữu ích, rõ ràng, chính xác và cập nhật về các thủ tục và tài liệu thương mại có thể truy cập một cách dễ dàng.

3. Cổng thông tin Hiệp định thương mại tự do Việt Nam (FTAP): <https://fta.moit.gov.vn/>

FTAP cung cấp các công cụ tra cứu trực tuyến thông minh cho các đối tượng quan tâm về cam kết của tất cả các FTA mà Việt Nam tham gia, bao gồm các cam kết về thuế, quy tắc xuất xứ, dịch vụ và đầu tư, cũng như các thông tin cần thiết khác cho quá trình kinh doanh như tình hình thị trường, quy định xuất nhập khẩu, phát triển bền vững.

Cơ chế Một cửa Quốc gia

NSW của Việt Nam là một hệ thống phức tạp, cho phép sự tương tác của các đối tượng khác nhau: cơ quan chính phủ, tổ chức hỗ trợ thương mại, doanh nghiệp, ASEAN và các đối tác thương mại toàn cầu. NSW của Việt Nam chính thức bắt đầu hoạt động vào tháng 11 năm 2014 và kết nối với ASW với GDVC là cơ quan đầu mối.²⁵ Cổng thông tin đã được phát triển với một mục tiêu cho phép người dùng truy cập vào một nền tảng duy nhất và sử dụng các dịch vụ tích hợp. NSW đã đáp ứng kết nối và trao đổi dữ liệu hiệu quả không chỉ trong nước mà còn giữa các AMS và các quốc gia khác, tạo thuận lợi cho chuỗi cung ứng thương mại quốc tế. Tính đến hết năm 2021, có 243/261 thủ tục hành chính của 13 bộ, ngành đã kết nối với NSW²⁶, với hơn 4,1 triệu hồ sơ của khoảng 49.500 doanh nghiệp.²⁷

Trao đổi thông tin với các đối tác ngoài ASEAN

Việt Nam đang tìm kiếm các cơ hội để hợp lý hóa các thỏa thuận trao đổi thông tin - về tờ khai hải quan xuất khẩu, mẫu C/O, chứng chỉ SPS - với các đối tác bên ngoài ASEAN. Bộ Tài chính (MoF) đã hoàn thành thí điểm về kỹ thuật kết nối tờ khai hải quan xuất khẩu với EAEU. Trong khi các thử nghiệm ban đầu liên quan đến kênh Internet mở, các đối tác hiện đang làm việc để thiết lập các kết nối an toàn sẽ được thử nghiệm. Ngoài ra, Bộ Tài chính và Bộ Công Thương đàm phán hoàn thiện các Nghị định thư và thỏa thuận kỹ thuật

để trao đổi C/O với EAEU cũng như với Hàn Quốc. Chính phủ đang làm việc với New Zealand để cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và vệ sinh, dự kiến thời gian thực hiện trong năm 2022-2023. Các đối tác khác như Úc, Mỹ, EU, Nhật Bản, Trung Quốc nằm trong danh sách các cuộc đàm phán trong tương lai.

Thương mại không giấy tờ tại Việt Nam

Ở cấp quốc gia, Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng kể trong thương mại không giấy tờ (xuyên biên giới), mặc dù còn nhiều cải thiện hơn nữa (Hình 4).²⁸ Việt Nam chủ động xây dựng và thực hiện cải cách để đón đầu những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Những năm gần đây đã chứng kiến sự ra đời của luật pháp, công cụ, nền tảng mới và hợp tác liên ngành chặt chẽ hơn để cho phép thương mại không cần giấy tờ. Tuy nhiên, các hệ thống thương mại không giấy tờ vẫn chủ yếu là một phần hoặc trên cơ sở thí điểm. Báo cáo đánh giá mức độ sẵn sàng cho CBPT tại Việt Nam năm 2022 đã xem xét các khung pháp lý và kỹ thuật hiện có để xác định các liên kết còn thiếu và vạch ra lộ trình cho một hệ sinh thái thương mại kỹ thuật số thuận lợi.

25.- <https://asw.asean.org/index.php/archives/agreements/item/memorandum-of-understanding-on-the-implementation-of-the-asean-single-window-pilot-project>

26.- <https://vnsw.gov.vn/profile/detailNews.aspx?id=277>

27.- <https://haiquanonline.com.vn/235-thu-tuc-hanh-chinh-ket-noi-co-che-mot-cua-quoc-gia-153660-153660.html>

28.- Khảo sát toàn cầu của Liên hợp quốc năm 2021 về tạo thuận lợi thương mại kỹ thuật số và bền vững

Hình 4: Việt Nam thực hiện các biện pháp tạo thuận lợi thương mại giai đoạn 2015-2021

Nguồn: Liên Hợp Quốc, 2021, <https://www.untsurvey.org/economy?id=VNM>

Về mặt kỹ thuật, Việt Nam đã thiết lập một hệ thống thương mại không giấy tờ ở cấp quốc gia. Từ năm 2017, Hải quan Việt Nam đã sử dụng hệ thống Hệ thống Tự động hóa Quản lý Hải quan cảng biển Việt Nam (VASSCM) để đơn giản hóa và hài hòa thủ tục hải quan với kho, bãi, cảng biển, sân bay và các bên liên quan khác thông qua hệ thống CNTT. VNACCS/VCIS Việt Nam đặt mục tiêu vào hoạt động của NSW và ASW để cho phép kết nối và trao đổi dữ liệu trong nước và giữa các AMS. Các dịch vụ mạng và khả năng tương tác của các hệ thống này vẫn chưa được phát triển.

Về mặt pháp lý, Việt Nam có cơ sở pháp lý liên quan đến giao dịch điện tử, tuy nhiên một số quy định vẫn còn lạc hậu. Các bước đầu tiên được xác định để kích hoạt môi trường điện tử đã được thực hiện với việc thông qua "Luật Giao dịch điện tử" vào năm 2005. Kể từ đó, nhiều luật và nghị định liên quan đã được thông qua²⁹. Tuy nhiên, với tình hình thực tế thay đổi nhanh chóng, luật pháp được thiết lập cách đây 15 năm có thể không đáp ứng nhu cầu ngày nay.

Các biện pháp tại thời điểm COVID-19

Việt Nam cũng đã thể hiện sự linh hoạt và nhanh nhẹn trong bối cảnh đại dịch bằng cách tạm thời đơn giản hóa các thủ tục và yêu cầu hải quan. Việc ứng dụng các giải pháp CNTT để thông quan hàng hóa được đẩy mạnh nhằm giảm thiểu tiếp xúc trực tiếp giữa các công chức hải quan tham gia làm thủ tục xuất nhập khẩu hàng hóa. Hơn nữa, hải quan đã thực hiện thông quan hàng hóa nhanh hơn và yêu cầu ít mẫu hơn, đặc biệt là trong trường hợp các sản phẩm viện trợ quan trọng, để chống lại đại dịch. Họ cũng giảm tỷ lệ luồng vàng và đỏ. Đối với hàng hóa quá cảnh hoặc trung chuyển, hải quan đã đơn giản hóa một số thủ tục, ví dụ, bằng cách không yêu cầu các tài liệu hỗ trợ trong một số trường hợp. Hải quan cũng đơn giản hóa quy trình gia hạn cho các doanh nghiệp ưu tiên, nộp tờ khai và kiểm tra.

Công ước TIR

Dựa trên đánh giá về sự sẵn sàng của Việt Nam, việc gia nhập Công ước TIR đã bị hoãn lại. Sau khi Trung Quốc gia nhập Công ước TIR năm 2016, Việt Nam đã thể hiện sự quan tâm mạnh mẽ đến việc thực hiện TIR để tiếp tục hợp lý hóa và

29.— Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2021; Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về thương mại điện tử được sửa đổi bởi Nghị định số 85/2021/NĐ-CP năm 2021; Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước; Nghị định 30/2020/NĐ-CP về công tác văn thư; Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 về hướng dẫn sử dụng chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số; Luật An ninh mạng năm 2018; Luật Công nghệ thông tin năm 2006; Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trực tuyến; Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 về an toàn hệ thống thông tin; Luật An toàn thông tin mạng 2015; Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.



Links, pexels-kaique-rocha-379964.jpg

hiện đại hóa thủ tục hải quan.³⁰ Năm 2017, GDVC và IRU đã ký Biên bản ghi nhớ để phân tích khung chính sách của đất nước để tiếp cận công ước. Những phát hiện của nghiên cứu khả thi năm 2018 đã dẫn đến kết luận rằng trong bối cảnh

hiện nay, việc gia nhập của Việt Nam dường như còn quá sớm do lý do pháp lý và các chi phí bổ sung không cần thiết phát sinh cho các thương nhân trong quá trình thực hiện.³¹

Những điểm chính

- Việt Nam có các cam kết và sáng kiến tạo thuận lợi thương mại sâu rộng ở cấp quốc tế, khu vực và quốc gia. Việt Nam quyết tâm tăng hiệu quả của các thủ tục thương mại ngang bằng với các nền kinh tế tiên tiến.
- Trong cách tiếp cận của mình, Chính phủ vượt xa các cam kết tạo thuận lợi thương mại theo TFA của WTO. Hiện nay, Việt Nam đang vượt tiến độ ban đầu để thực hiện TFA, với 84,9% cam kết đã được đáp ứng; và sẽ thực hiện 5 biện pháp tạo thuận lợi thương mại.
- Chương trình nghị sự tạo thuận lợi thương mại của Việt Nam cũng đã tuân thủ khuôn khổ ASEAN. Trong

khung này, ASW là một sáng kiến đầy tham vọng để cho phép gửi dữ liệu một lần, xử lý đồng bộ và ra quyết định thông quan.

- Việt Nam có mối quan tâm mạnh mẽ trong việc tạo điều kiện hội nhập và kết nối hơn nữa. Việt Nam đang tìm kiếm các cơ hội để hợp lý hóa các thỏa thuận trao đổi thông tin- về tờ khai hải quan xuất khẩu, mẫu C/O, chứng chỉ SPS- với các đối tác bên ngoài ASEAN.
- Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng kể trong thương mại không giấy tờ (xuyên biên giới), mặc dù còn nhiều dư địa để cải thiện hơn nữa.

30.– <https://www.iru.org/news-resources/newsroom/talks-tir-progress-vietnam>

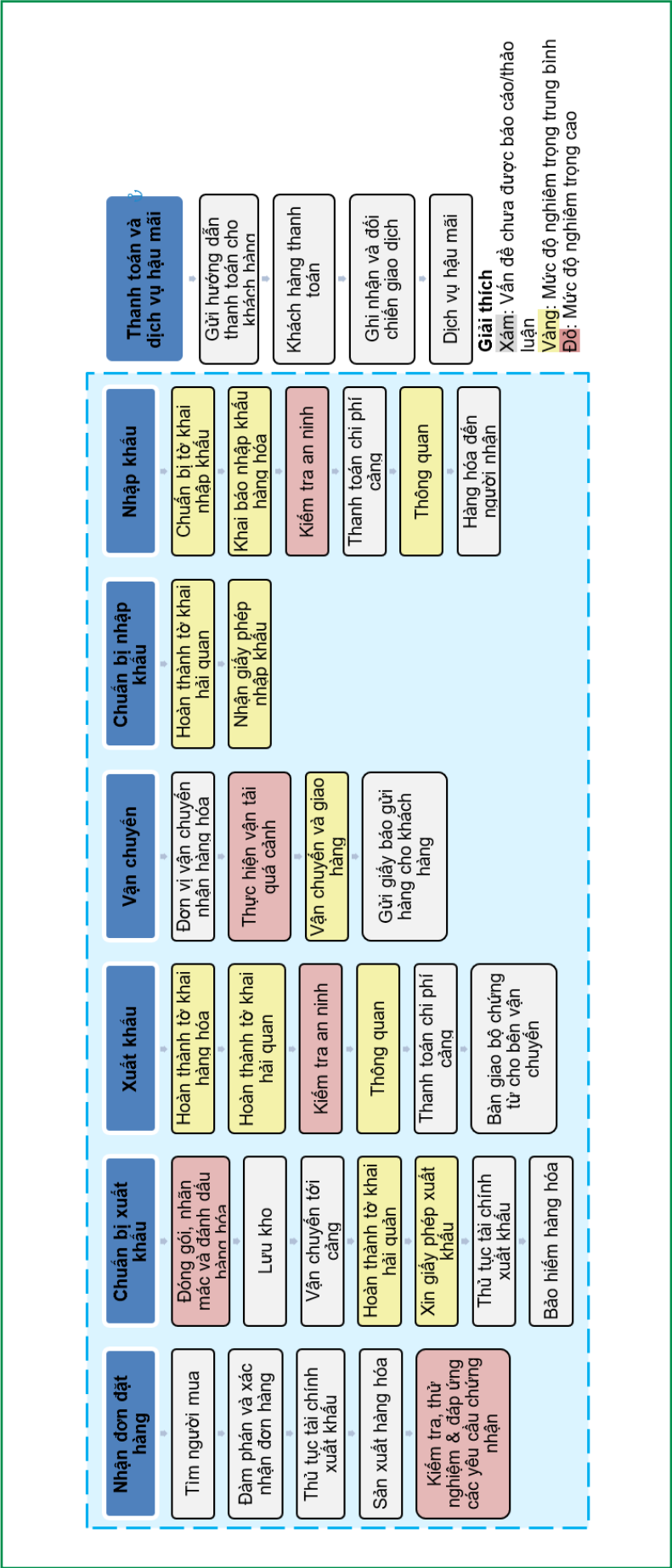
31.– Điều 12 của Biên bản ghi nhớ ghi nhớ rằng MoU được tự động gia hạn thêm 2 năm mà không cần thông báo chấm dứt của bất kỳ Bên nào (ngày kết thúc năm 2021)

Biểu đồ một giao dịch thương mại quốc tế điển hình

Các công ty Việt Nam phải đối mặt với những hạn chế nhất định trong một giao dịch thương mại quốc tế, được thể hiện dưới đây từ quan điểm của doanh nghiệp. Các cơ quan chính phủ, tổ chức và các chủ thể kinh tế đã quan tâm tới các bước giao dịch riêng lẻ, thông qua các cuộc tham vấn song phương và nhiều bên liên quan trong tháng 8 - tháng 11 năm 2022. Biểu đồ cung cấp một cách trực quan đơn giản để hiểu phạm vi chiến lược là gì và các vấn đề chính ở đâu (lưu ý: các vấn đề chính đề cập đến những vấn đề đã được giới thiệu với mức độ nghiêm trọng trung bình và cao). Dựa trên hình dung vấn đề, các ưu tiên hiện có và nguyện vọng của các bên liên quan, ba lĩnh vực cấp cao đã được đề xuất để cải thiện.

Các đề xuất cải thiện khu vực cấp cao

1. Quản lý rủi ro và AEO: Quản lý rủi ro hiệu quả là cốt lõi của quá trình tạo thuận lợi thương mại, nhằm tạo điều kiện cho các luồng thương mại liên tục trong khi vẫn đảm bảo mức độ phù hợp chấp nhận được và kiểm soát an ninh. Sự cải thiện trong lĩnh vực này sẽ ảnh hưởng đến nhiều bước giao dịch, đặc biệt là những bước ở biên giới.
2. Hợp tác cơ quan biên giới / Có đi có lại và công nhận lẫn nhau: Có một loạt các tổ chức tham gia vào các thủ tục xuất nhập khẩu từ cả hai bên biên giới. Trong bối cảnh này, các kênh liên lạc và giao thức được thiết lập giữa các cơ quan tương ứng là rất quan trọng để nâng cao hiệu quả và hiệu quả của các giao dịch thương mại, giảm gánh nặng tuân thủ đối với thương nhân và tăng khối lượng giao dịch.
3. Số hóa các thủ tục và quy trình thương mại xuyên biên giới: Việc áp dụng các công nghệ thông tin và truyền thông hiện đại sẽ giải quyết một số vấn đề trong suốt giao dịch thương mại để đơn giản hóa và tự động hóa các thủ tục thương mại quốc tế. Điều này cũng sẽ góp phần minh bạch và khả năng thông báo kết quả xác định trước của quá trình xuất nhập khẩu, đồng thời xây dựng nhận thức và kiến thức giữa các thương nhân để phù hợp với các yêu cầu và quy tắc hiện hành.



Hạn chế về khả năng cạnh tranh

Hình 5: Tóm tắt các hạn chế về năng lực cạnh tranh

Đến biên giới	Tại biên giới	Khi qua biên giới
Sự gia tăng của các cơ sở dữ liệu và công thông tin thương mại, với các chức năng chống chéo dẫn tới sự nhầm lẫn ngoài ý muốn trong khu vực tư nhân	Phạm vi và việc sử dụng hạn chế của chương trình Nhà điều hành Kinh tế được ủy quyền (AEO) cản trở việc quản lý rủi ro hiệu quả và xử lý nhanh hàng hóa	Thiếu sự cố đi có lại và sự công nhận ở các quốc gia khác dẫn đến việc các nước xuất khẩu và nhập khẩu đánh giá sự phù hợp kép
Thiếu hướng dẫn và phản hồi về xuất khẩu, nhập khẩu và quá cảnh ảnh hưởng tới thời gian và mức độ tuân thủ của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ	Thiếu tương tác giữa cơ quan quản lý biên giới dẫn đến việc tổn thêm thời gian và chi phí cho khu vực tư nhân	Không có thỏa thuận công nhận lẫn nhau (MRAs) cho Chương trình Nhà điều hành Kinh tế được ủy quyền (AEO), hạn chế ưu đãi doanh nghiệp và quan hệ hoạt động xuyên biên giới
Hiệu quả của đối thoại công-tư có thể được gia tăng hơn nữa nhờ các điều chỉnh về cơ cấu hoạt động	Yêu cầu kiểm tra chuyên ngành phức tạp (SI) làm tăng thời gian thông quan và chi phí	Thiếu thông tin thống nhất và hệ thống điều hành với các nước láng giềng dẫn đến trùng lặp các nỗ lực tại biên giới, cụ thể là các trạm kiểm soát làm tăng nguy cơ chậm trễ
Việc cung cấp dịch vụ qua Cơ chế Một cửa Quốc gia không đầy đủ và gián đoạn dẫn đến khung thực hiện thủ tục hành chính chính rơi rạc	Một số quy định và thủ tục đối với các lô hàng được xúc tiến nhanh có thể dẫn đến việc sử dụng nguồn lực không hiệu quả (ví dụ: kéo dài nguồn lực hải quan mà lẽ ra có thể làm việc khác tốt hơn	Thời gian kiểm tra sau thông quan và sự chồng chéo về thủ tục liên quan dẫn đến doanh nghiệp phải mất thêm thời gian và nguồn lực
Thiếu nhận thức và kiến thức về mã HS của các nhà xuất khẩu, nhập khẩu và cơ quan dẫn đến tăng thời gian thông quan và phát sinh chi phí, đặc biệt là lưu kho	Thiếu các kĩ năng cụ thể và tính liên tục trong việc xây dựng năng lực cho cán bộ về các nguyên tắc cơ bản của TF ảnh hưởng đến việc áp dụng tốt và thực thi các quy định và giao thức liên quan	
Cơ sở pháp lý và kĩ thuật chưa hoàn chỉnh cho việc thuận lợi hóa thương mại kĩ thuật số tại Việt Nam, dẫn đến việc triển khai các giải pháp thương mại không cần giấy tờ một cách rời rạc		
		Chú thích
		RÀNG BUỘC VỀ QUY ĐỊNH VÀ CHÍNH SÁCH
		HẠN CHẾ VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH
		HẠN CHẾ CỦA DOANH NGHIỆP

Tập trung vào các vấn đề cấp bách nhất

- Nhiều hạn chế về năng lực cạnh tranh ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động ngắn hạn và trung hạn của Việt Nam trong thuận lợi hóa thương mại. Những hạn chế này được xác định dọc theo ba giai đoạn xuất khẩu: đến biên giới, tại biên giới, khi qua biên giới. Chúng được phân loại chéo theo ba khía cạnh - ràng buộc về chính sách, thể chế và doanh nghiệp.

- **Các ràng buộc về chính sách và quy định** đề cập đến các nút thắt pháp lý và quy định hạn chế hoạt động hiệu quả của chức năng hỗ trợ thương mại phù hợp với thông lệ quốc tế tốt nhất.
- **Hạn chế về môi trường kinh doanh** đề cập đến các vấn đề liên quan đến việc cung cấp dịch vụ của các tổ chức hỗ trợ thương mại và đầu tư (TISI) cho các doanh nghiệp; đặc biệt là về năng lực và nguồn lực sẵn có cho các tổ chức để đạt được việc cung cấp dịch vụ hiệu quả.

Các vấn đề về chính sách và quy định

Phạm vi hạn chế và việc sử dụng Chương trình Nhà điều hành kinh tế được ủy quyền (AEO) cản trở việc quản lý rủi ro hiệu quả hơn và xử lý hàng hóa nhanh chóng.³²

Danh sách thực tế các AEO đủ điều kiện hiện chỉ giới hạn ở các công ty xuất nhập khẩu trực tiếp, trong khi các nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ thương mại phần lớn bị bỏ qua. Sau gần 10 năm thành lập AEO, khoảng 70 doanh nghiệp hưởng lợi từ chương trình này; hầu hết trong số họ là FDI với doanh thu xuất nhập khẩu cao. Điều 10 Nghị định 08/2015/NĐ-CP quy định tiêu chuẩn năng lực đối với doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu, đại lý thông quan.

Hơn nữa, các điều kiện trong các quy định liên quan thực tế loại trừ sự tham gia của các doanh nghiệp vừa và nhỏ vào chương trình AEO.³³ Theo số liệu từ APEC, tỷ trọng của các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam trong tổng kim ngạch xuất khẩu là từ 20% - 30%. Cho đến nay, chưa có doanh nghiệp nhỏ và vừa nào đủ điều kiện tham gia chương trình: họ không thể đáp ứng các tiêu chí AEO về xuất nhập khẩu cũng như số lượng tờ khai hải quan (đối với môi giới hải quan Việt Nam). Trong khi đó, người ta nhận ra rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ sẽ được hưởng lợi nhiều nhất nếu họ được đưa vào các chương trình thông qua các thủ tục quản lý hải quan đơn giản hóa và nâng cao khả năng giao dịch của các doanh nghiệp vừa và nhỏ.³⁴

- **Tham khảo Kế hoạch Hành động:** Hoạt động 1.1.1

Phạm vi ưu đãi hẹp theo Chương trình AEO hạn chế các ưu đãi cho các doanh nghiệp và ảnh hưởng đến các hoạt động xuyên biên giới.

Lợi ích của chương trình AEO chỉ được cung cấp bởi các cơ quan Hải quan, điều này hạn chế sự khuyến khích của các công ty nộp đơn. Tình trạng AEO đảm bảo lợi thế chủ yếu về chính sách ưu tiên trong hoạt động thanh toán bù trừ. Theo Điều 5-11 Thông tư 72/2015/TT-BTC, chính sách ưu tiên về cơ bản dựa trên việc miễn kiểm tra chứng từ và thực tế hàng hóa, thông quan với tờ khai không đầy đủ, thủ tục nhanh hơn trong trường hợp hoàn thuế và phân tích sau thông quan. Hơn nữa, trong trường hợp không có MRA, ưu đãi cho các công ty đủ điều kiện ở một quốc gia không được áp dụng trên lãnh thổ của bất kỳ quốc gia nào khác.

- **Tham khảo Kế hoạch Hành động:** Hoạt động 1.1.1, và 1.1.2

Các thủ tục phức tạp để kiểm tra chuyên ngành (SI) làm tăng thời gian và chi phí thông quan.

Theo báo cáo của các doanh nghiệp được lấy ý kiến, các thủ tục hành chính liên quan đến thanh tra chuyên ngành chỉ có thể được thực hiện một phần thông qua NSW hoặc trực tuyến dưới dạng điện tử. Thông thường các doanh nghiệp

32.— Tổng cục Hải quan có một bộ phận AEO trực thuộc bộ phận Sau thông quan với 15 nhân viên được đào tạo làm việc về AEO và các hoạt động khác. Tại các tỉnh, thành phố, các đơn vị AEO trực thuộc Sở Kinh tế - Thương mại và Cục Thông quan. Định kỳ 6 tháng một lần, Hải quan tiến hành đánh giá để đánh giá Chương trình.

33.— Điều 42 Luật 54 năm 2014, Điều 10 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 và Điều 12-17 Thông tư 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 quy định danh mục các yêu cầu mà các nhà khai thác kinh tế phải đáp ứng để có được đặc quyền, lợi ích và ưu tiên hải quan khi thông quan hàng hóa

34.— Tích hợp DNNVV trong chứng nhận nhà điều hành kinh tế được ủy quyền: Tăng cường sự tham gia của DNNVV vào Tiểu ban APEC về thủ tục hải quan APEC Secure Trade APEC, 2021: https://www.apec.org/docs/default-source/publications/2021/2/integrating-smes-in-authorized-economic-operator-certification/221_sccp_integrating-smes-in-authorized-economic-operator-certification-2.pdf?sfvrsn=8c0ca64c_1

được yêu cầu trao đổi trực tiếp với cơ quan tương ứng và nộp bản cứng các tài liệu cần thiết; Sự hiện diện tại hiện trường cũng là yêu cầu để thanh toán và nhận chứng chỉ. Cách tiếp cận trên giấy vẫn là bắt buộc theo luật và quy định hiện hành của một số bộ. Trong bối cảnh này, việc sửa đổi khung pháp lý và quy định thích hợp là bắt buộc. Ví dụ, Thông tư số 05/VBHN-BKHCN ngày 28 tháng 8 năm 2017, có thể được sửa đổi kết hợp với Nghị định 130 của Chính phủ ngày 27 tháng 9 năm 2018 hướng dẫn Luật Giao dịch điện tử và Luật Doanh nghiệp 2020.

- **Tham khảo Kế hoạch Hành động:** Hoạt động 1.1.3, và 1.1.4

Một số thủ tục trong quá trình vận chuyển nhanh có thể dẫn đến việc sử dụng tài nguyên không hiệu quả.

Mức tối thiểu hiện tại ở Việt Nam được cho là tương đối thấp (1 triệu đồng, tương đương khoảng 40 đô la Mỹ), so với các khuyến nghị được đưa ra bởi các thông lệ tốt quốc tế. Việc sửa đổi giá trị tối thiểu có thể góp phần tạo thuận lợi hơn nữa cho thương mại xuyên biên giới có giá trị thấp. Dựa trên nghiên cứu của APEC, ngưỡng khuyến nghị là 100 USD. Mức tối thiểu ở các nền kinh tế tiên tiến thay đổi đáng kể từ 150 EUR ở các thành viên EU đến 800 đô la Mỹ ở Mỹ. Chi phí, trong một lượng nhỏ doanh thu liên quan và không thu được, được bù đắp bằng việc tiết kiệm nguồn nhân lực và công nghệ thông tin.³⁵

Hơn nữa, trong hệ thống quản lý rủi ro có liên quan không ghi lại kiểm soát phản hồi đối với các lô hàng nhanh. Cách tiếp cận chọn lọc được áp dụng cho các lô hàng chuyển phát nhanh; tuy nhiên, kết quả của các kiểm soát này không được ghi lại để tham khảo trong tương lai và khuyến khích tuân thủ.

- **Tham khảo Kế hoạch Hành động:** Hoạt động 1.1.1, và 1.1.5

Thiếu sự tương hỗ và công nhận ở các quốc gia khác dẫn đến đánh giá sự phù hợp trùng lặp của các nước xuất khẩu và nhập khẩu.

Các tổ chức đánh giá sự phù hợp của Việt Nam không được công nhận rộng rãi là có thẩm quyền để thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến thử nghiệm, hiệu chuẩn hoặc chứng nhận.

Việc kiểm soát SPS vẫn là một thách thức đối với các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực chế biến thủy sản và thực phẩm. Điều này đặc biệt dễ thấy ở biên giới với Trung Quốc, nước nhập khẩu nông sản lớn nhất từ Việt Nam (65-70% tổng khối lượng xuất khẩu của cả nước). Việc kiểm tra và kiểm soát được thực hiện bởi các nhà cung cấp dịch vụ kiểm soát chất lượng Việt Nam không được chính quyền Trung Quốc công nhận. Các nhà cung cấp dịch vụ kiểm tra chất lượng Việt Nam khuyến nghị tiến hành kiểm soát trước các hoạt động xuất khẩu để đảm bảo rằng hàng hóa phù hợp với yêu cầu của nước nhập khẩu và sẽ được chấp nhận tại biên giới thị trường đích. Điều này dẫn đến tăng chi phí xuất khẩu; Tuy nhiên, nó có thể làm giảm nguy cơ xảy ra tình huống sản phẩm bị từ chối tại biên giới và buộc phải thu hồi.

Các nhà cung cấp chất lượng và thử nghiệm nội địa Việt Nam không nhất thiết phải có năng lực/kiến thức để tiếp cận danh sách đầy đủ các yêu cầu đối với một số dòng sản phẩm nhất định, do các nước nhập khẩu đặt ra. Các công ty này không đảm bảo việc chấp nhận hàng hóa dựa trên các chứng chỉ / báo cáo đã cấp và không thể chịu trách nhiệm về việc từ chối có thể xảy ra ở thị trường đích. Các nhà cung cấp chất lượng được quốc tế công nhận có cơ sở tại Việt Nam có thể cấp chứng chỉ sẽ được các quốc gia khác chấp nhận, bao gồm cả Trung Quốc. Tuy nhiên, điều này có ý nghĩa đối với chi phí của các dịch vụ.

- **Tham khảo Kế hoạch Hành động:** Hoạt động 1.1.2, 1.2.2, 2.2.1, và 2.2.2

Cơ sở kỹ thuật và pháp lý chưa đầy đủ cho thuận lợi hóa thương mại kỹ thuật số ở Việt Nam dẫn đến việc triển khai các giải pháp thương mại không giấy tờ còn manh mún.

Với sự phát triển của công nghệ thông tin, việc số hóa các quy trình đã trở thành một điều bắt buộc với thương mại. Sự liên quan và cấp bách của các biện pháp thương mại không giấy tờ (xuyên biên giới) đã được thể hiện rõ ràng trong thời kỳ đại dịch. Trao đổi tài liệu điện tử rất quan trọng để giữ cho thương mại chảy. Cho đến nay, việc thực hiện các biện pháp liên quan đến thương mại không giấy tờ (xuyên biên giới) vẫn còn nhiều thách thức, đặc biệt là việc trao đổi và công nhận pháp lý các dữ liệu và tài liệu liên quan đến thương mại dưới dạng điện tử.³⁶

35.— Các phương pháp hay nhất về tạo thuận lợi thương mại trong việc sử dụng lô hàng nhanh, trường hợp nghiên cứu điển hình của Hoa Kỳ, WTO

36.— Tạo thuận lợi thương mại kỹ thuật số và bền vững, Báo cáo khu vực, UNECE, 2021: https://unece.org/sites/default/files/2021-11/ECE_TRADE_467_UNECE_Regional_Report.pdf

Vấn đề môi trường kinh doanh

Hiệu quả của đối thoại công-tư-NTFC-có thể được nâng cao thông qua các điều chỉnh cơ cấu và hoạt động.

Thứ nhất, cơ cấu PPD hiện tại thiếu các đơn vị vận hành có thể cung cấp hướng dẫn kỹ thuật, thực hiện và theo dõi các hoạt động giữa các cuộc họp chính thức của Ủy ban (thông thường, hai lần một năm).³⁷ Việc mở rộng cơ cấu sẽ cho phép các chuyên gia kỹ thuật dưới cấp phó bộ trưởng tương tác với các đồng nghiệp và cộng đồng doanh nghiệp, và dành nhiều sự chú ý hơn cho các tiểu ban tương ứng của họ.³⁸

Thứ hai, doanh nghiệp có thể được cung cấp đầy đủ cơ hội để giới thiệu các phương pháp tiếp cận theo định hướng giải pháp bằng cách tư vấn về các biện pháp tiết kiệm chi phí và thực tiễn tốt nhất từ các khu vực pháp lý khác. Các thành viên có thể được xem xét lại và mở rộng để bao gồm nhiều hơn là chỉ đại diện khu vực tư nhân duy nhất hiện tại. Ủy ban có thể tiếp tục bao gồm tiếng nói của khu vực tư nhân thông qua các phương tiện khác, ví dụ, bằng cách liên quan đến nhiều hiệp hội hơn trong các nhóm làm việc hoặc mời các đề trình bằng văn bản của họ.

Hơn nữa, Bộ Công Thương có vị trí tốt để đóng một vai trò lớn hơn trong thuận lợi hóa thương mại và sự tham gia của khu vực tư nhân. Về tạo thuận lợi thương mại, vai trò được nâng cao có thể là đối với việc cung cấp thông tin quy định thương mại qua cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương (bao gồm Cổng thông tin FTA và Kho lưu trữ thương mại quốc gia Việt Nam), tạo thuận lợi cho thương mại không giấy tờ xuyên biên giới, v.v.³⁹

- **Tham khảo Kế hoạch Hành động:** Hoạt động 1.2.5, và 2.1.1

Việc cung cấp dịch vụ không đầy đủ và gián đoạn thông qua Cơ chế một cửa quốc gia dẫn đến khuôn khổ thực hiện thủ tục hành chính bị phân mảnh.

Mặc dù hầu hết các chức năng cơ bản của Cổng thông tin NSW được báo cáo là chính xác, nhưng có những khía cạnh công nghệ, chức năng và hoạt động sẽ góp phần vào năng suất của NSW. Ví dụ, hầu hết các thủ tục kiểm tra chuyên ngành không có sẵn trực tuyến và được xử lý thủ công, theo yêu cầu pháp lý hiện hành. Doanh nghiệp bàn giao bản cứng của các tài liệu cần thiết trực tiếp cho cơ quan có liên quan.⁴⁰ Hơn nữa, mặc dù các công ty thử nghiệm, kiểm định và chứng thực thích sử dụng chứng từ điện tử nhưng họ phải tuân theo quy định về lưu trữ 3 năm tài liệu gốc⁴¹ là bản cứng vì quá trình chuyển đổi chữ ký số chưa hoàn thành.

Điều hướng qua cổng thông tin NSW có vẻ phức tạp. Khi các chức năng cụ thể được đánh giá riêng biệt, các chức năng mà doanh nghiệp cảm thấy khó sử dụng nhất bao gồm "Hỏi & Đáp" (35%), "rút / xóa hồ sơ" (26%), "tìm kiếm" (18%) và "sửa đổi hồ sơ" (17%). Ngoài ra, Cổng thông tin NSW cần nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật để tăng tốc thời gian xử lý.⁴²

- **Tham khảo Kế hoạch Hành động:** Hoạt động 1.1.4, và 3.1.5

Thiếu tương tác từ các cơ quan quản lý biên giới dẫn đến thêm thời gian và chi phí cho khu vực tư nhân

Qua thực tế, quản lý rủi ro ở biên giới cũng giống như được thực hiện bởi cơ quan quản lý kém hiệu quả nhất.⁴³ Nếu chỉ một cơ quan quản lý thiếu năng lực hoặc nguồn lực để đánh giá rủi ro cho phù hợp, toàn bộ hệ thống sẽ bị ảnh hưởng. Hiện nay, Việt Nam được cho là có sự giao tiếp đột xuất giữa các cơ quan quản lý biên giới, không có quy trình và giao thức hoạt động tiêu chuẩn rõ ràng. Quản lý biên giới phối hợp, lần lượt, có thể cung cấp lợi ích đáng kể cho cả các cơ

37.– Trong khi NTFC giao cho các sở và chính quyền tỉnh và địa phương chịu trách nhiệm thực hiện, giám sát và đánh giá, họ không phải là thành viên của Ủy ban.

38.– Báo cáo tổng kết: Hỗ trợ, nâng cao vai trò, hiệu quả của Ủy ban Tạo thuận lợi thương mại quốc gia Việt Nam, Chương trình tạo thuận lợi thương mại, USAID, 2020

39.– Đảm bảo đối thoại chính sách thương mại hiệu quả tại Việt Nam – Báo cáo tạm thời về nhận thức của các bên liên quan tư nhân và công cộng, Chính sách Thương mại Thụy Sĩ và Dự án Xúc tiến, 2022

40.– Cuộc gặp song phương với nhà nhập khẩu và cung cấp dịch vụ logistics, tháng 10/2022

41.– Thông tư số 05/VBHN-BKHCN ngày 28 tháng 8 năm 2017 quy định về tiêu chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp dựa trên tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

42.– Khảo sát mức độ hài lòng của NSW 2020

43.– Quản lý rủi ro cho thương mại an toàn, hiệu quả, Hướng dẫn cho các cơ quan quản lý biên giới, ITC, 2022

quan biên giới và khu vực tư nhân. Bằng cách hợp lý hóa và hài hòa các thủ tục, các cơ quan biên giới có thể tối ưu hóa việc sử dụng các nguồn lực của họ và quản lý biên giới một cách hiệu quả và hiệu quả, ngay cả trong bối cảnh dòng chảy hàng hóa ngày càng tăng.⁴⁴

■ **Tham khảo Kế hoạch Hành động:** Hoạt động 2.1.2

Thiếu các kỹ năng cụ thể và tính liên tục trong việc xây dựng năng lực cho các cán bộ chuyên môn về các nguyên tắc cơ bản của thuận lợi hoá thương mại ảnh hưởng đến việc áp dụng thực tế và thực thi các quy định và giao thức có liên quan.

Các cơ quan liên quan đến quản lý rủi ro phải thiết lập sự hiểu biết và giải thích chung về các quy định, thủ tục và hệ thống hiện có. Các khóa đào tạo chung và các chương trình xây dựng năng lực khác tạo điều kiện cho cách tiếp cận mạch lạc, thống nhất và có hệ thống hơn đối với các hoạt động tuân thủ dựa trên rủi ro. Tổng cục TDTT đã nhận được các khóa đào tạo nâng cao năng lực được tổ chức theo (các) dự án hỗ trợ kỹ thuật. Với việc hoàn thành các dự án, thành phần đào tạo bị ngưng, nhưng nhu cầu vẫn còn. Hơn nữa, theo những người được phỏng vấn⁴⁵, các khóa đào tạo dự án được đề xuất dựa trên lý thuyết và có thể khác với thực tiễn thực tế. Trong bối cảnh này, các chuyên gia từ các tổ chức thiết lập tiêu chuẩn (ví dụ: ICC, WCO) cũng như các học viên từ các quốc gia khác có thể đảm bảo sự phù hợp và ứng dụng thực tế của các khóa học được cung cấp.

■ **Tham khảo Kế hoạch Hành động:** Hoạt động 1.2.1

Sự gia tăng của cơ sở dữ liệu và cổng thông tin thương mại, với các chức năng chồng chéo, dẫn đến sự nhầm lẫn ngoài ý muốn trong khu vực tư nhân.

Một mạng lưới dịch vụ tình báo thương mại phát triển tốt, mạch lạc và hài hòa là một yếu tố hỗ trợ thiết yếu cho hoạt động kinh doanh và phát triển. Hiện tại, có một số cổng thông tin và công cụ thương mại, đã có sẵn hoặc đang được tiến hành⁴⁶, cho các công ty xuất nhập khẩu hiện tại và tiềm năng. Chúng hầu hết không được tích hợp cũng không liên kết. Một số trong đó được tạo ra để thực hiện các nghĩa vụ quốc tế, chẳng hạn như các nghĩa vụ trong khuôn khổ ASEAN. Được phát triển bởi các tổ chức khác nhau, các công

cụ này dường như có các chức năng trùng lặp và sự chồng chéo thông tin quan trọng, điều này có thể dẫn đến sự không chắc chắn và khác biệt trong diễn giải. Sự phức tạp ngoài ý muốn này, cùng với sự hỗ trợ trực tuyến hạn chế được cung cấp bởi các quản trị viên trang web, làm tăng thêm mức độ sử dụng thấp các dịch vụ thông tin thương mại.

■ **Tham khảo Kế hoạch Hành động:** Hoạt động 3.2.1, và 3.2.3

Hướng dẫn và phản hồi chưa đầy đủ về các quy định và quy tắc liên quan đến xuất khẩu, nhập khẩu và quá cảnh ảnh hưởng đến thời gian và sự tuân thủ của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Hướng dẫn các công ty nhận không đầy đủ về việc thực hiện các thông tư và quy định, tạo ra các cách hiểu khác nhau trong toàn hệ thống. Việc ban hành các quy định mới hoặc sửa đổi cần đi kèm với việc tiếp cận rộng rãi với cộng đồng doanh nghiệp. Mục tiêu là để giúp cho các doanh nghiệp nhận thức được các bản cập nhật cũng như cung cấp hướng dẫn về giải thích và thực hiện thực tế. Sự khác biệt trong việc giải thích dẫn đến sự chậm trễ, ví dụ, trong trường hợp cấp Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) với quan điểm khác nhau về mã HS của Cục Hải quan và Phòng Thương mại.

■ **Tham khảo Kế hoạch Hành động:** Hoạt động 1.2.2, 1.2.4, 3.2.1, và 3.2.4

Thiếu thông tin và hệ điều hành thống nhất với các nước láng giềng dẫn đến trùng lặp các hoạt động ở biên giới, cụ thể là tại các trạm kiểm soát làm tăng nguy cơ chậm trễ.

Theo khuôn khổ quốc tế, các quốc gia được khuyến khích hợp tác theo các điều khoản đã thỏa thuận với những nước mà họ có chung biên giới để phối hợp các thủ tục tại các cửa khẩu biên giới. Sự hợp tác và phối hợp như vậy có thể bao gồm việc sắp xếp ngày và giờ làm việc, thủ tục và thủ tục, phát triển và chia sẻ các cơ sở chung, kiểm soát chung, thiết lập kiểm soát một cửa khẩu. Việt Nam đã sắp xếp hợp lý một số quy trình này ở một số biên giới nhất định, đặc biệt dựa trên kinh nghiệm của các hệ thống giữa Lao Bảo (Việt Nam) và Desavan (Lào).

44.— Coordinated Border Management: From theory to practice, World Customs Journal: http://www.wcoomd.org/-/media/wco/public/global/pdf/topics/research/research-paper-series/19_cbm_polner_en.pdf?db=web

45.— Hội nghị song phương với Tổng cục TDTT, tháng 9/2022

46.— Một công cụ tình báo thương mại mới đang được phát triển với sự hợp tác của Anh

- Tham khảo Kế hoạch Hành động: Hoạt động 1.1.3, 2.1.3, 2.1.4, và 2.2.3

Thời gian kiểm toán sau thông quan và chồng chéo thủ tục liên quan dẫn đến doanh nghiệp cần thêm thời gian và nguồn lực.

Thủ tục kiểm tra sau thông quan được coi là thách thức, đặc biệt là với thời gian kiểm toán dài hơn so với quy định và chồng chéo của các đơn vị hải quan khác nhau. Trong các loại hình doanh nghiệp khác nhau, các doanh nghiệp xuất nhập khẩu dường như phải đối mặt với những vấn đề này nhiều hơn các loại hình doanh nghiệp khác: "nghĩa vụ phải cung cấp thông tin, tài liệu ngoài phạm vi quy định" (16,3%) và phải đối mặt với "nội dung kiểm toán chồng chéo" (19,4%).⁴⁷ Hơn nữa, vào năm 2018 Nghị định 38 (phần về an toàn thực phẩm) đã được thay thế bằng Nghị định 15. Cải cách dẫn đến việc giải



Links, pexels-julius-silver-753331.jpg

phóng khoảng 95% sản phẩm thực phẩm nhập khẩu khỏi quá trình kiểm tra chuyên ngành (SI). Tuy nhiên, việc loại bỏ SI cho các sản phẩm này đã dẫn đến tăng công việc tại kiểm toán sau thông quan. Và đối với cuộc kiểm toán này, dường như đang có sự thiếu hụt nguồn nhân lực và năng lực.

Hạn chế của doanh nghiệp

Thiếu nhận thức và kiến thức giữa các công ty điều hướng hoạt động xuất nhập khẩu. Tăng nguy cơ không tuân thủ.

Các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp có quy mô nhỏ hơn, được báo cáo là phải đối mặt với những hạn chế trong việc đạt được các kỹ năng và năng lực để nghiên cứu về các thủ tục xuyên biên giới.⁴⁸ Lực lượng lao động được đào tạo và chuyên nghiệp là chìa khóa để tăng cường sự tuân thủ. Các hiệp hội dựa vào năng lực nội tại của mình để đào tạo hội viên; Tuy nhiên, họ cũng không nhất thiết phải có các kỹ năng liên quan. Trong bối cảnh đó, các tổ chức lớn hơn như VCCI có thể tăng cường chức năng kết nối các cơ quan chính phủ và doanh nghiệp về nâng cao nhận thức, chia sẻ kiến thức, trao đổi kinh nghiệm và nâng cao năng lực. Chương trình đào tạo giảng viên cũng có thể là một lựa chọn khả thi để tiếp cận các doanh nghiệp không chỉ ở các địa điểm trung tâm, mà còn trên khắp các tỉnh.

- Tham khảo Kế hoạch Hành động: Hoạt động 1.2.2, và 1.2.4

Nhận thức và kiến thức về mã HS với các nhà xuất khẩu, nhập khẩu và đại lý thông quan còn hạn chế dẫn đến tăng thời gian thông quan và chi phí bổ sung, đặc biệt là cho việc lưu trữ.

Các doanh nghiệp vừa và nhỏ báo cáo những khó khăn liên quan đến việc xác định mã HS tương ứng với hàng hóa nhập khẩu. Khung pháp lý hiện hành đã cung cấp một cơ sở vững chắc cho các nhà xuất khẩu và nhập khẩu. Nhà nhập khẩu chịu trách nhiệm phân loại chính xác hàng hóa. Tuy nhiên, để thuận tiện cho quá trình giải phóng, nhà nhập khẩu có thể cung cấp cho nhà xuất khẩu mã HS cho sản phẩm của họ và yêu cầu họ đưa mã này vào hóa đơn.⁴⁹ Trong một số trường hợp, hai chữ số cuối cùng trong mã HS trên tờ khai hải quan nhập khẩu khác với chữ số trên tờ khai hải quan xuất khẩu. Sự khác biệt này có thể dẫn đến sự thay đổi trong thuế quan áp dụng.

47.— Mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với thủ tục hành chính xuất nhập khẩu, kết quả khảo sát năm 2020

48.— Tham vấn song phương với các bên liên quan trong khu vực tư nhân từ tháng 8 đến tháng 11/2022.

49.— <https://iccwbo.org/resources-for-business/incoterms-rules/incoterms-2020>

CON ĐƯỜNG PHÍA TRƯỚC

Tầm nhìn

Để định hướng thực hiện chiến lược trong 5 năm tới, tuyên bố tầm nhìn được nêu dưới đây đã được xây dựng và thống nhất bởi các bên liên quan tham gia tham vấn thiết kế Chiến lược tạo Thuận lợi hóa Thương mại.⁵⁰ Tuyên bố thể hiện

tham vọng của đất nước cũng như sự đồng thuận giữa các bên liên quan về vai trò của thuận lợi hóa thương mại trong nền kinh tế.

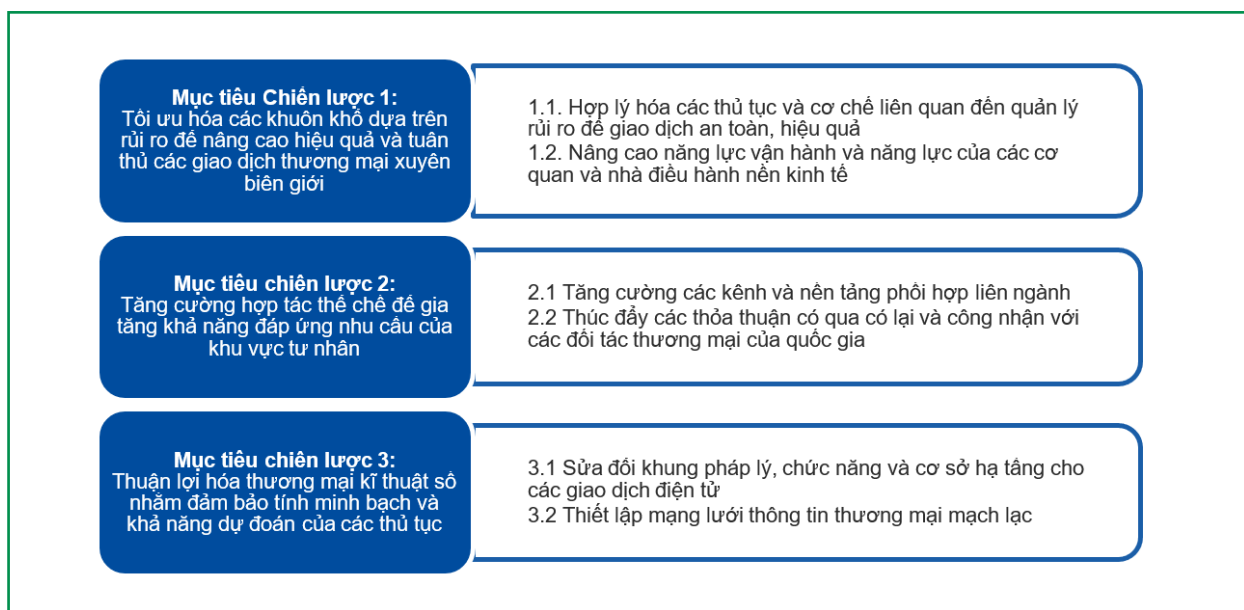
Việt Nam - cửa ngõ tin cậy của thị trường khu vực: Vận chuyển hàng hóa nhanh hơn, thông minh hơn, nhỉnh nhàng hơn"

Định hướng chiến lược

Tầm nhìn sẽ được chuyển thành kết quả cụ thể thông qua việc đạt được ba mục tiêu chiến lược. Những mục tiêu này bắt đầu quá trình tập trung và ưu tiên tầm nhìn. Chúng đáp ứng những hạn chế và cơ hội hiện có được xác định trong phần phân tích.

Các mục tiêu chiến lược được chia thành các mục tiêu hoạt động cụ thể hơn, định hướng hành động và phạm vi hẹp hơn. Cuối cùng, các mục tiêu hoạt động cũng được chia thành các hoạt động cụ thể, thiết thực và thực tế, được thể hiện trong một kế hoạch hành động.

Hình 6: Mục tiêu chiến lược và hoạt động



50.— Tham vấn song phương và nhiều bên liên quan đã diễn ra trong tháng 8 - tháng 11/2022

Mục tiêu Chiến lược 1: Tối ưu hóa các khuôn khổ dựa trên rủi ro để nâng cao hiệu quả và tuân thủ các giao dịch thương mại xuyên biên giới.

Một hệ thống quản lý rủi ro tích hợp là cốt lõi của quá trình tạo thuận lợi thương mại, nhằm cho phép sự liên tục của các luồng thương mại trong khi vẫn đảm bảo mức độ phù hợp chấp nhận được và kiểm soát an ninh. Một khuôn khổ mạnh mẽ dựa trên rủi ro mạnh mẽ được xây dựng, trong số các khuôn khổ khác, dựa trên các quy định rõ ràng và ứng dụng hài hòa của chúng, quy trình kiểm tra hiệu quả, sự tương tác thường xuyên và phối hợp tốt của nhiều cơ quan, một chương trình được công nhận của các nhà giao dịch đáng tin cậy/các nhà khai thác kinh tế được ủy quyền. Thủ tục biên giới hợp lý, hài hòa và phối hợp dẫn đến tối ưu hóa nguồn lực, đóng vai trò rất quan trọng trong đối phó với môi trường thương mại phức tạp và tránh tắc nghẽn không cần thiết.

Một khuôn khổ dựa trên rủi ro hiệu quả được vận hành bởi các cơ quan và nhà điều hành kinh tế có kiến thức và có thẩm quyền. Lực lượng lao động được đào tạo và giáo dục tốt, được trang bị kiến thức để thực hiện nhiệm vụ hàng ngày của họ cũng như để tăng hiệu quả của quá trình thương mại tổng thể. Xây dựng năng lực có thể đóng vai trò là chất xúc tác để cải thiện năng suất tổ chức. Đồng thời, cộng đồng doanh nghiệp rất quan trọng trong cải thiện tuân thủ thương mại và cần hiểu rủi ro và trách nhiệm của họ trong quá trình xuất nhập khẩu. Đào tạo, tư vấn và hợp tác với các thương nhân về quá trình thông quan cũng có thể tạo ra sự khác biệt trong việc cân bằng kiểm soát và tạo thuận lợi thương mại.

Để tóm tắt cơ sở lý luận trên, hai mục tiêu hoạt động sau đây được đề xuất:

1. Hợp lý hóa các thủ tục và cơ chế liên quan đến quản lý rủi ro để giao dịch an toàn, hiệu quả.
2. Nâng cao năng lực vận hành và năng lực của các cơ quan và nhà điều hành nền kinh tế.

Mục tiêu chiến lược 2: Tăng cường hợp tác thể chế để gia tăng khả năng đáp ứng nhu cầu của khu vực tư nhân.

Mặc dù vai trò của hải quan là tối quan trọng trong việc thuận lợi hóa thương mại, khuôn khổ thể chế vượt xa trách nhiệm một cơ quan. Có rất nhiều các tổ chức tham gia vào các thủ tục xuất nhập khẩu từ cả hai bên biên giới. Trong bối cảnh này, các kênh liên lạc và giao thức thiết lập giữa các cơ quan tương ứng là rất quan trọng để nâng cao hiệu quả của các giao dịch thương mại, giảm gánh nặng tuân thủ đối với thương nhân và tăng khối lượng giao dịch. Từ góc độ kinh doanh, một khuôn khổ thể chế hoạt động tốt cho phép

các thương nhân lập kế hoạch hoạt động và các hoạt động thương mại trong tương lai, bao gồm thời gian chính xác và các yêu cầu về tài liệu.

Xây dựng hợp tác kinh tế xuyên biên giới với các nước láng giềng và các đối tác thương mại khác nhằm hướng tới một quá trình xuất nhập khẩu hiệu quả hơn, minh bạch và có thể dự đoán được. Khía cạnh xuyên biên giới bao gồm sự phối hợp của các thủ tục, hoạt động, trao đổi thông tin, hỗ trợ kỹ thuật của các cơ quan liên quan. Sự hợp tác này dựa trên nền tảng các khuôn khổ pháp lý, thể chế vững chắc và các nghị định thư liên quan, được đưa ra thông qua các thỏa thuận song phương giữa hai chính phủ. Trong bối cảnh này, các thỏa thuận công nhận lẫn nhau về đánh giá sự phù hợp đóng một vai trò quan trọng trong việc tối ưu hóa thời gian và chi phí thông quan và kiểm soát. Chúng cho phép thực hiện đánh giá sự phù hợp của các tổ chức được công nhận theo quy chuẩn kỹ thuật của các bên ký kết hợp đồng.

Để tóm tắt cơ sở lý luận trên, hai mục tiêu hoạt động sau đây được đề xuất:

1. Tăng cường các kênh và nền tảng phối hợp liên ngành.
2. Thúc đẩy các thỏa thuận có qua có lại và công nhận với các đối tác thương mại của quốc gia.

Mục tiêu chiến lược 3: Thuận lợi hóa thương mại kỹ thuật số nhằm đảm bảo tính minh bạch và khả năng dự đoán của các thủ tục.

Khủng hoảng khẩn cấp toàn cầu và các hạn chế liên quan đã đẩy nhanh thực hiện thương mại không giấy tờ xuyên biên giới. Giờ đây, số hóa đóng vai trò như một yếu tố thúc đẩy và là bắt buộc để nâng cao hiệu suất tạo thuận lợi thương mại. Việc sử dụng các công nghệ hiện đại làm thay đổi việc cung cấp thông tin, trao đổi dữ liệu, tài liệu cũng như tự động hóa các quy trình xuất nhập khẩu nhất định (ví dụ: kiểm tra, xác nhận). Hệ thống thương mại không giấy tờ bao gồm tờ khai hải quan điện tử, hệ thống quản lý cảng điện tử, cơ chế một cửa điện tử. Hoạt động của hệ thống là một phần của các khung kỹ thuật và pháp lý được kích hoạt bởi quản trị hiệu quả và sự tham gia của các bên liên quan.

Một mạng lưới thông tin thương mại mạch lạc cũng nằm trong phạm vi nỗ lực số hóa của quốc gia. Việc hợp nhất và tái cấu trúc các nền tảng thông tin thương mại hiện có nhằm cải thiện tính minh bạch và khả năng dự đoán của các quy định hiện hành và tăng cường sự phù hợp từ cộng đồng doanh nghiệp. Một cổng thông tin thương mại hiệu quả được thúc đẩy bởi các công nghệ phù hợp, cơ quan đầu mối mạnh mẽ với mạng lưới chính thức được thiết lập với các tổ chức liên quan, một nhóm chuyên dụng để cập nhật và bảo trì cổng thông tin. Ngoài giao diện front-end hiển thị, xác định

các giao thức và quy trình back-end để cho phép thu thập, phân tích, xuất bản và quản lý yêu cầu dữ liệu là cần thiết.

Để tóm tắt cơ sở lý luận trên, hai mục tiêu hoạt động sau đây được đề xuất:

1. Sửa đổi khung pháp lý, chức năng và cơ sở hạ tầng cho các giao dịch điện tử.
2. Thiết lập mạng lưới thông tin thương mại mạch lạc.

Lĩnh vực hành động chính

Một số nghiên cứu cơ bản và các lĩnh vực hành động chính đã được xem xét khi xây dựng lộ trình phát triển thuận lợi hóa thương mại của Việt Nam.

Công nhận lẫn nhau: Nền tảng cho tất cả các thỏa thuận quốc tế thành công

MRAs đòi hỏi sự tin tưởng của quốc gia khác vào các quy trình và thủ tục công nhận của Việt Nam. Khi có nghi ngờ rằng các quy trình trên không minh bạch hoặc có thể bị xâm phạm, quốc gia đối tác sẽ không tham gia MRA. Một khi sự tự tin và tôn trọng quy trình đã được thiết lập với một quốc gia OECD, những quốc gia khác sẽ làm theo vì họ cũng sẽ tôn trọng MRA đã được ký kết và sẵn sàng tham gia vào các thỏa thuận tương tự. Việt Nam nên tìm kiếm mối quan hệ cố vấn với một đối tác thương mại đã có thỏa thuận MRA với các nước khác và tìm kiếm sự hỗ trợ kỹ thuật của họ. Điều cần thiết là phải thiết lập niềm tin với các đối tác thương mại và xóa tan mọi nhận thức về chủ nghĩa thân hữu, gia đình trị và khả năng sử dụng các khoản thanh toán tạo thuận lợi.

Vì MRA bao gồm chứng nhận thực phẩm và thiết bị kỹ thuật, mối quan tâm chính là an toàn. Nếu quốc gia đối tác có bất kỳ nghi ngờ nào về tính toàn vẹn của cơ quan phát hành, họ sẽ không chấp nhận rủi ro và công nhận chứng nhận.

Công nhận lẫn nhau là một phần quan trọng của quá trình AEO. Hàng hóa được thông quan hoặc chứng nhận bởi AEO tại một nước đối tác nên được cấp các đặc quyền theo dõi nhanh vào Việt Nam và những nhượng bộ đó sẽ được đáp lại khi hàng hóa được AEO Việt Nam xuất khẩu sang nước đối tác. Việt Nam nên coi việc đơn phương công nhận quy chế AEO của một số nhà đầu tư sản xuất và logistics lớn của Nhật Bản tại Việt Nam như một cách để xây dựng lòng tin và quá trình cố vấn với một đối tác thương mại lớn.

- **Tham chiếu đến PoA:** Hoạt động 1.1.2, 2.2.1 – 2.2.3

Quản lý rủi ro: AEO là một trụ cột cốt lõi của cơ chế quản lý rủi ro.

AEO là một rủi ro cơ bản vì họ chịu trách nhiệm về hầu hết các khía cạnh của các lô hàng quốc tế cách xa hải quan và do

đó giải phóng nguồn lực cho cơ quan hải quan cho các hoạt động khác. Nhiều lợi ích của một chương trình AEO thường sử dụng toàn bộ cho hải quan vì các nhà khai thác khu vực tư nhân cần sử dụng thêm nhân viên có trình độ để thực hiện nhiều chức năng trước đây được thực hiện bởi hải quan. Họ cũng phải lưu giữ hồ sơ chính xác và chịu sự kiểm tra kiểm toán của hải quan mà không cần thông báo. Trường hợp AEO là nhà cung cấp dịch vụ hậu cần, đại lý hải quan hoặc hãng vận chuyển, họ có thêm trách nhiệm đảm bảo rằng khách hàng của họ tuân thủ bên cạnh hoạt động của chính họ. Trạng thái AEO cho phép các nhà cung cấp dịch vụ hợp lý hóa hoạt động của họ, nhưng trạng thái AEO của họ là điều cần thiết trên thị trường. Điều này đặt trách nhiệm tuân thủ vững chắc với AEO và yêu cầu giám sát hoạt động của chính họ.

Các nguồn lực được giải phóng cho hải quan thông qua chương trình AEO có thể được sử dụng để phát hiện và ngăn chặn buôn lậu và buôn người.

- **Tham chiếu đến PoA:** Hoạt động 1.1.1-1.1.2, 1.2.1-1.2.2, 2.2.1

Thương mại không cần giấy tờ: COVID đã cho thấy những gì có thể được thực hiện.

Trong giai đoạn COVID-19, các quốc gia trong khu vực đã thể hiện sự sẵn sàng chấp nhận thương mại không giấy tờ thông qua sự cần thiết phải duy trì vận chuyển hàng hóa; đây là một bước nhảy vọt đối với nhiều người. Báo cáo Sự sẵn sàng cho Hiệp định khung về Thuận lợi hóa thương mại không giấy tờ xuyên biên giới ở châu Á và Thái Bình Dương (CPTA) cho thấy không có trở ngại kỹ thuật hoặc pháp lý nào đối với việc Việt Nam gia nhập CPTA. Báo cáo đề nghị Việt Nam cần sửa đổi Luật Giao dịch điện tử và các văn bản hướng dẫn liên quan để đảm bảo niềm tin của các bên tham gia giao dịch điện tử. Mặc dù không có trở ngại pháp lý nào đối với thương mại không giấy tờ, nhưng vẫn có câu hỏi về độ tin cậy. Mặc dù chữ ký điện tử được công nhận trong luật, nhưng vẫn có thể có những nghi ngờ ngăn cản việc sử dụng và công nhận đầy đủ các tài liệu không cần giấy tờ ở cấp tỉnh. ESCAP khuyến nghị: *Chính phủ Việt Nam cần tiếp tục cung cấp các chương trình nâng cao nhận thức và xây dựng năng lực để thúc đẩy thương mại không giấy tờ và thương mại không giấy tờ xuyên biên giới.*

Việc thiếu một cơ chế giải quyết tranh chấp thích hợp cho thương mại không giấy tờ vẫn còn tồn tại và điều này cần được thúc đẩy để tăng cường niềm tin vào hệ thống.

- Tham chiếu đến PoA: Hoạt động 3.1.1 – 3.1.5

Thông quan nhanh chóng: Giá trị De Minimis là một yếu tố quan trọng.

Đặt ngưỡng De minimis (DMT) quá thấp, không chỉ tạo ra nhiều công việc cho hải quan mà không tăng nhiều doanh thu, còn hạn chế tỷ lệ tham gia kinh tế cho các hộ kinh doanh cá thể và doanh nghiệp vừa và nhỏ. Thông quan nhanh có thể kích thích thương mại bằng cách giảm chi phí thông quan và tuân thủ cho các doanh nghiệp nhỏ và hộ kinh doanh cá thể. Khi kết hợp với chương trình AEO và giao diện với các hãng vận chuyển của Hiệp hội Chuyển phát nhanh Toàn cầu (GEA), gánh nặng cho hải quan địa phương sẽ giảm đáng kể. Trách nhiệm tuân thủ có thể được chuyển giao cho các hãng vận chuyển GEA hoạt động như AEO và điều này có thể được mở rộng sang với thuế. ICC, WTO và WCO nằm trong số các tổ chức kêu gọi DMT cao hơn để kích thích thương mại. Mức hiện tại khoảng 40 đô la là quá thấp để khuyến khích các doanh nghiệp nhỏ nhập khẩu và giao dịch, đặc biệt là khi chi phí thông quan chính thức được bổ sung.

Các cơ quan chính phủ cần cân nhắc chi phí liên quan đến việc thu thuế GTGT và thuế nhập khẩu so với giá trị thực tế của thuế thu được đối với các lô hàng có giá trị thấp vì chi

phí thu các khoản thuế đó thường có thể vượt quá doanh thu được tạo ra ở một số quốc gia. Trong những trường hợp như vậy, các nguồn lực có thể được chi tiêu tốt hơn ở nơi khác để đảm bảo tập trung vào các nguồn mang lại doanh thu cao hơn.⁵¹

- Tham chiếu đến PoA: Hoạt động 1.1.4 – 1.1.5

Môi giới hải quan: Chuyên nghiệp và nâng cao năng lực.

Các AEO và MRA này đòi hỏi đội ngũ nhân viên có trình độ và chuyên nghiệp phù hợp phải chịu trách nhiệm về hành động của họ. Nâng cao tính chuyên nghiệp của các nhà môi giới hải quan sẽ là một bước quan trọng trong quá trình này. Sự chậm trễ trong thông quan thường được đổ lỗi cho hải quan và hệ thống thông quan. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, những sự chậm trễ này là do các mục hải quan không chính xác được thực hiện bởi các nhà môi giới hải quan. Đây là vấn đề phổ biến ở GMS và các nước ASEAN.

Tại Việt Nam, việc đào tạo các đại lý hải quan tập trung nhiều hơn vào cách điều hướng hệ thống hải quan và các danh mục thay vì hiểu đầy đủ về quy trình vận chuyển quốc tế. Các nhà môi giới được cấp phép cũng đủ điều kiện về Incoterms, mã HS, định giá CIF và các yêu cầu vận chuyển có thể giúp giảm sự chậm trễ và giảm cơ hội cho văn hóa tạo thuận lợi. Đây cũng sẽ là một trụ cột chính của chương trình AEO và tiến tới MRAs với các đối tác thương mại.

Implementation management

Việc quản lý thực hiện Chiến lược này sẽ được lồng ghép như một trong những thành phần của cơ chế quản lý theo Chiến lược Xuất khẩu Quốc gia (NES) bao trùm.

Điều kiện cơ bản để thực hiện có hiệu quả Chiến lược;

Việc thực hiện thành công các hoạt động trong lộ trình đòi hỏi:

- chứng thực/mức độ cam kết cao từ các bên liên quan,
- thành lập và vận hành nền tảng phối hợp công tư,
- chủ động kết nối và cảm hóa các tổ chức thực hiện,
- sự sẵn sàng của khu vực công và tư nhân trong việc phân bổ/huy động các nguồn lực,
- cơ chế giám sát hiệu quả.

51.– Tạo thuận lợi thương mại cho thương mại điện tử. A. Huria, Ngân hàng Thế giới 2019



Kế hoạch hành động

Kế hoạch hành động, được phân chia theo các mục tiêu chiến lược và hoạt động, bao gồm các hoạt động sẽ cần được thực hiện để đạt được tầm nhìn của chiến lược. Đối với mỗi hoạt động, kế hoạch hành động quy định cụ thể như sau:

1. Tối ưu hóa các khuôn khổ dựa trên rủi ro để nâng cao hiệu quả và tuân thủ các giao dịch thương mại xuyên biên giới.				
Mục tiêu thực hiện	Hoạt động	Cơ quan thực hiện	Thời gian&Mục tiêu	
1.1 Hợp lý hóa các thủ tục và cơ chế liên quan đến quản lý rủi ro để giao dịch an toàn, hiệu quả.	1.1.1 Thiết lập quy trình áp dụng và phê duyệt minh bạch đối với AEO, được quy định tại Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 phối hợp với các cơ quan chính phủ sẽ được các đối tác thương mại lớn công nhận khác.		Ngắn hạn	<ul style="list-style-type: none">- Chương trình AEO được sửa đổi với phạm vi, tiêu chí và lợi ích mở rộng;- Biên bản ghi nhớ với các nước có vấn;- Dự án thí điểm công nhận AEO với quốc gia có vấn (các tập đoàn Nhật Bản tại Việt Nam được công nhận là AEO, đảo tạo với Nhật Bản và Thái Lan);- 150 AEO vào năm 2024, bao gồm cả các doanh nghiệp vừa và nhỏ.
	<ul style="list-style-type: none">• Xác định và làm việc với một quốc gia có vấn tiềm năng (Úc, Nhật Bản, Mỹ, Pháp).• Mở rộng phạm vi chương trình AEO để bao gồm các nhà môi giới hải quan và các công ty vận chuyển và vận tải quốc tế, bao gồm cả các công ty có vốn đầu tư nước ngoài.• Sửa đổi các tiêu chí AEO để nhấn mạnh hơn vào kinh nghiệm, lịch sử giao dịch, tuân thủ, kế toán và hồ sơ thuế so với doanh thu được xem xét.• Cập nhật các lợi ích cho chương trình AEO để bao gồm các lợi ích được cung cấp bởi các cơ quan khác ngoài hải quan, bao gồm theo dõi nhanh hoặc thông quan tại chỗ được hỗ trợ bởi việc công nhận các tài liệu điện tử và chữ ký điện tử.• Thiết kế và công bố một quy trình kiểm toán minh bạch cho các hồ sơ với các tiêu chí rõ ràng cần đáp ứng.• Thực hiện các chiến dịch nâng cao nhận thức cho các nhà giao dịch để bồi dưỡng kiến thức liên quan đến trách nhiệm và yêu cầu để trở thành và duy trì trạng thái AEO.	GDVC		
	1.1.2 Bắt đầu đàm phán về các Hiệp định công nhận lẫn nhau (MRA) cho chương trình AEO với một đối tác thương mại lớn như Úc, Nhật Bản hoặc EU.		Trung hạn	<ul style="list-style-type: none">- Đầu mối với 2 đối tác thương mại lớn được thành lập;- Các yêu cầu đối với MRA được xác định;- Kế hoạch làm việc MRA được xác định;- MoUs với các quốc gia mục tiêu được thiết lập.
	<ul style="list-style-type: none">• Thảo luận cởi mở với các đối tác thương mại lớn để học hỏi kinh nghiệm của họ và xác định các yêu cầu để công nhận lẫn nhau.• Tìm hiểu các lựa chọn hỗ trợ kỹ thuật được tích hợp trong các hiệp định thương mại hiện có của Việt Nam để xây dựng năng lực và chuyên môn cần thiết phù hợp với yêu cầu của các nước đối tác đối với MRA.• Ký MOU với các quốc gia mục tiêu.	GDVC		
	1.1.3 Hoàn thiện việc thực hiện các cam kết Nhóm C – theo TFA của WTO, theo Chiến lược Phát triển Hải quan và kế hoạch làm việc tương ứng.		Ngắn hạn	
	<ul style="list-style-type: none">• Các cam kết nổi bật gồm có Điều 1.2 Thông tin có sẵn qua Internet, Điều 5.3 Quy trình kiểm tra, Điều 7.4 Quản lý rủi ro, Điều 8 Hợp tác cơ quan biên giới, Điều 10.4 Cơ chế một cửa.• Việc tuân thủ tất cả các cam kết danh mục dự kiến hoàn thành vào tháng 12/2024.	GDVC		Thông báo về việc thực hiện đầy đủ TFA đề trình lên WTO. J8
	1.1.4 Hợp lý hóa quy trình thực hiện thanh tra chuyên ngành (SI).		Ngắn hạn	
	<ul style="list-style-type: none">• Thực hiện việc sửa đổi các hành vi pháp lý có liên quan nhằm cho phép trao đổi thông tin không cần giấy tờ cho các thủ tục hành chính thông qua việc sửa đổi Thông tư số 05/VBHN-BKHCN ngày 28 tháng 8 năm 2017 kết hợp với Nghị định 130 của Chính phủ ngày 27 tháng 9 năm 2018 hướng dẫn Luật Giao dịch điện tử và Luật Doanh nghiệp 2020.• Kích hoạt chức năng xử lý hồ sơ hành chính phục vụ kiểm tra chuyên ngành bằng các hình thức điện tử trên cổng thông tin điện tử NSW/Hải quan điện tử.• Xem xét và đơn giản hóa các thủ tục pháp lý đối với SI của lô hàng có giá trị thấp.	Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Bộ Khoa học và Công nghệ ⁵²		<ul style="list-style-type: none">- Các hành vi pháp lý của Bộ Y tế, Bộ NN&PTNT, Bộ GTVT sửa đổi để kích hoạt chứng từ điện tử;- Chức năng trao đổi văn bản hành chính về SI tại NSW;-Khung pháp lý về lô hàng giá trị thấp được điều chỉnh.

⁵² *Cả 3 Bộ đều tham gia vào SI, tùy thuộc vào loại sản phẩm.

1.2. Nâng cao năng lực vận hành và năng lực của các cơ quan và nhà điều hành nền kinh tế.	1.1.5 Đánh giá mức độ phù hợp để điều chỉnh giá trị ngưỡng tối thiểu (DMT) để khuyến khích sự tham gia kinh tế rộng rãi hơn vào thương mại điện tử và nền kinh tế rộng lớn hơn và phân bổ nguồn lực tốt hơn cho các cơ quan biên giới.		Trung hạn
	<ul style="list-style-type: none">Tổ chức họp nhóm tập trung với các hiệp hội khu vực tư nhân để lấy ý kiến đóng góp cho việc thiết lập DMT.Mở các cuộc thảo luận với ICC, APEC, WTO và WCO để có được đầu vào cho việc thiết lập DMT.	GDVC	-Khuyến nghị về ngưỡng tối thiểu được xây dựng và thực hiện.
	1.2.1 Thực hiện một loạt các khóa đào tạo chuyên môn cho cán bộ GDVC ở cấp quốc gia và cấp tỉnh để đảm bảo áp dụng và thực thi hiệu quả và hài hòa các quy định về biên giới.		Trung hạn
	<ul style="list-style-type: none">Tiến hành khảo sát ngắn để xác nhận nhu cầu và ưu tiên xây dựng năng lực.Tổ chức các khóa đào tạo cần thiết cho công chức hải quan phối hợp với các tổ chức chuyên ngành (ví dụ: ICC, WCO, ITC / UNCTAD).Xem xét một số lĩnh vực nhất định để tiếp tục cải thiện, bao gồm quản lý rủi ro, phê duyệt trước khi đến, quy trình trung chuyển.Khuyến khích chia sẻ kiến thức trong GDVC như một biện pháp bền vững để duy trì bộ nhớ thể chế.	GDVC	- Các ưu tiên năng cao năng lực được xác nhận; - Ít nhất 5 chương trình đào tạo cho các đối tượng ưu tiên được triển khai ở cả cấp trung ương và cấp tỉnh.
	1.2.2 Tổ chức các khóa đào tạo năng cao năng lực về tiếp cận thị trường và các yêu cầu kiểm soát chất lượng cho các nhà cung cấp dịch vụ kinh doanh trong nước và khu vực tư nhân.		Ngắn hạn
	<ul style="list-style-type: none">Phối hợp với các tổ chức thương mại quốc tế về việc sử dụng Niên tăng ePing, SPS & TBT (WTO), Bản đồ tiếp cận thị trường và các cơ sở dữ liệu tình báo thương mại khác (ITC).Tìm kiếm quan hệ đối tác song phương với các cơ quan/tổ chức tương tự (bao gồm cả các trường đại học) ở các nước đối tác thương mại lớn (Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ, Canada, EU) để xây dựng năng lực và trao đổi kiến thức.Tổ chức tập huấn cho hầu hết các ngành bị ảnh hưởng như người trồng và kinh doanh trái cây (Hiệp hội rau quả).Hợp tác với Trung Quốc tìm hiểu tính khả thi của các cảng giao dịch chợ trái cây trong lãnh thổ Việt Nam.	Bộ Công Thương hợp tác với VCCI	- 4 khóa đào tạo về sử dụng cơ sở dữ liệu được thực hiện với các đối tác phát triển (ví dụ: ICC, ITC, UNCTAD, WTO); - Quan hệ đối tác với các cơ quan như AusTrade, Jetro, Ủy ban Thương mại Hàn Quốc (KTC). - Học viên: Đại học Quốc gia Úc (Canberra), LSE Đại học Harvard.
	1.2.3. Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo giảng viên nguồn (ToT) tiêu chuẩn hóa để xây dựng năng lực của các hiệp hội ngành và phòng thương mại khu vực trong nghiên cứu trực tuyến, thu thập dữ liệu, lập hồ sơ thị trường, đặc biệt là các yêu cầu tiếp cận thị trường.		Trung hạn
	<ul style="list-style-type: none">Xây dựng chương trình năng cao năng lực: chương trình giảng dạy, sổ tay giảng viên, sổ tay người tham gia và các bài thuyết trình PowerPoint liên quan;Tổ chức tập huấn cho các đại diện được của các hiệp hội/tổ chức ngành, ưu tiên cho dự án thí điểm; sau khóa đào tạo này, những người tham gia đào tạo thành công được công nhận với tư cách là một giảng viên kinh doanh được ủy quyền để tiếp tục thực hiện khóa đào tạo này cho các thành viên của Hiệp hội;Hỗ trợ việc thực hiện đào tạo bởi các giảng viên được công nhận trong các hiệp hội tương ứng của họ.	VCCI	- Một mô-đun đào tạo giảng viên nguồn được phát triển, bao gồm phương pháp luận, tài liệu đào tạo cho giảng viên và học viên; - Chương trình thí điểm tại 5 hiệp hội ngành ưu tiên / tổ chức hỗ trợ thương mại.
	1.2.4 Xây dựng và thực hiện chương trình năng cao năng lực cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, bao gồm cả môi giới hải quan, bằng tiếng Việt (các nhà xuất khẩu hiện tại cũng như định hướng xuất khẩu) để nâng cao kiến thức về các thủ tục, nền tảng và cơ sở dữ liệu liên quan đến xuất khẩu.		Trung hạn
	<ul style="list-style-type: none">Xây dựng đào tạo kỹ thuật số về các thủ tục liên quan đến xuất khẩu, bao gồm các yêu cầu pháp lý và chứng từ; yêu cầu tài chính; khai báo hải quan và hệ thống hải quan điện tử; quản lý rủi ro chung; Tổ chức tập huấn cho các doanh nghiệp định hướng xuất khẩu, doanh nghiệp xuất khẩu ở Trung ương trong giai đoạn thí điểm; <ul style="list-style-type: none">Triển khai đào tạo cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở cấp tỉnh.	Bộ Công Thương	- Một chương trình mô-đun về quy trình xuất khẩu cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ được phát triển bằng tiếng Việt.

	<i>Hoạt động này nhằm mục đích cung cấp cho các doanh nghiệp định hướng xuất khẩu / xuất khẩu các phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro và thúc đẩy tuân thủ ở cả cấp trung ương và cấp tỉnh.</i>		<p>ít nhất 150 doanh nghiệp được đào tạo trong giai đoạn thí điểm của chương trình.</p> <p>- ít nhất 250 doanh nghiệp vừa và nhỏ được đào tạo hàng năm.</p>
	1.2.5 Xây dựng năng lực công tư của Bộ Công Thương để chủ động tham gia với khu vực tư nhân; xem xét thành lập Ban Thư ký để hỗ trợ Bộ Công Thương trong các cuộc đối thoại công tư tập trung vào thương mại.	Trung hạn	
	<ul style="list-style-type: none">• Cung cấp các khóa đào tạo về hợp tác và tham gia công tư.• Sắp xếp các chuyên tham quan học tập và các sự kiện kết nối.• Xây dựng sách hướng dẫn, sổ tay.• Chia sẻ kinh nghiệm trong việc sắp xếp và giám sát quy trình làm việc PPD.• Hợp tác với Tổng cục Hải quan để tìm hiểu về cách tiếp cận của họ đối với việc hợp tác với khu vực tư nhân. <p><i>Tham khảo Đối thoại Chính sách thương mại ở Việt Nam – báo cáo về nhận thức của các bên liên quan tư nhân và công cộng.</i></p>	<p>Bộ Công thương</p>	<p>ít nhất 2 cán bộ Bộ Công Thương được đào tạo về tham gia với khu vực tư nhân.</p>

2. Tăng cường hợp tác thể chế để gia tăng khả năng đáp ứng nhu cầu của khu vực tư nhân.				
Mục đích hoạt động	Hoạt động	Cơ quan thực hiện	Thời gian&Mục tiêu	
2.1 Tăng cường các kênh và nền tảng phối hợp liên ngành.	2.1.1 Điều chỉnh các thành phần cấu trúc và hoạt động của V-NTFC.		Trung hạn	
	<ul style="list-style-type: none">• Thành lập các tiểu ban hoạt động để cung cấp hướng dẫn kỹ thuật và báo cáo cho cơ quan chính của ủy ban, thực hiện và theo dõi các quyết định của Ủy ban.• Engage sự tham gia tích cực hơn từ khu vực tư nhân:<ul style="list-style-type: none">o Mở rộng sự tham gia của các hiệp hội trong V-NTFC và / hoặc các nhóm công tác.o Kêu gọi các góp ý bằng văn bản từ các hiệp hội.o Tăng cường vai trò của VCCI với trong tâm ngành nhiều hơn.o Xem xét quan điểm của các hiệp hội cấp tỉnh và các doanh nghiệp vừa và nhỏ. <i>(Tham khảo đối thoại chính sách thương mại tại Việt Nam – báo cáo về nhận thức của các bên liên quan tư nhân và công cộng)</i>	Bộ Tài chính	-Cấu trúc V-NTFC được điều chỉnh để bao gồm các tiểu ban và thúc đẩy sự tham gia mạnh mẽ hơn với khu vực tư nhân.	
	2.1.2 Thúc đẩy sự phối hợp liên ngành ở cấp trong nước để tương hỗ và đồng bộ hóa việc kiểm soát và kiểm tra trong thương mại xuyên biên giới.		Trung hạn	
	<ul style="list-style-type: none">• Formalize regular communication between internal border agencies through regulations and related standards operating procedures (SoPs) and protocols; Define communication channels and assign focal points;• Develop a cost-benefit analysis and feasibility of targeting centres, aimed at managing and integrating multiple information and intelligence flows.	GDVC	-Các quy định và các SOP và các giao thức liên quan được giới thiệu để liên lạc có cấu trúc thường xuyên giữa các cơ quan biên giới; - Khuyến nghị về sự liên quan của các trung tâm mục tiêu được phát triển.	
	2.1.3 Sử dụng Hiệp định Thuận lợi hóa Vận tải xuyên biên giới Tiểu vùng Mekong mở rộng (GMS CBTA) và các diễn đàn hai quan để thiết lập quản lý và hợp tác biên giới (đối thoại / hội thảo).		Dài hạn	
	<ul style="list-style-type: none">• Tích cực tham gia các ban quản lý biên giới liên kết hoạt động giữa biên giới kinh tế Đông Tây (EWECE) tại Lao Bảo, biên giới Lào (cửa khẩu quốc tế Nà Pháo, kết nối tuyến số 12 qua Lào), biên giới Mộc Bài-Bavet với Campuchia;• Xác định lập trường/chương trình nghị sự đàm phán của các quốc gia nhằm thúc đẩy hợp tác biên giới với các đối tác bên ngoài trong khuôn khổ GMS CBTA;• Điều này cũng có thể được thực hiện thông qua các cuộc họp NTFC (Ủy ban Tạo thuận lợi Giao thông Quốc gia) khu vực và thông qua các cuộc họp chính thức cấp cao của GMS (SOM).	NTFC	- Ban quản lý biên giới liên hợp hoạt động giữa biên giới EWECE tại Lao Bảo, biên giới Lào (cửa khẩu quốc tế Nà Pháo, nối tuyến số 12 qua Lào), biên giới Mộc Bài-Bavet với Campuchia	
	2.1.4 Khám phá và áp dụng, nếu có thể, xác thực điện tử dành cho thương mại xuyên biên giới với các nước khuyến khích theo Hiệp định ASEAN về thương mại điện tử.		Trung hạn	
	<i>(Liên kết tới Chiến lược chuyển đổi số)</i> <ul style="list-style-type: none">• Khai thác chuyên môn sẵn có thông qua hợp tác quốc tế để phát triển danh sách các công nghệ xác thực điện tử sẽ được sử dụng để xác thực điện tử xuyên biên giới.• Phát triển một loạt các dự án thí điểm khả năng tương tác cho xác thực điện tử, hợp tác với các đối tác thương mại quốc tế quan trọng.	MOIT	- Xác định ít nhất 5 dự án thí điểm.	
	2.2.1 Ưu tiên các hiệp định công nhận lẫn nhau (MRA) với các nước đối tác thương mại quan trọng như một phần của FTA.		Trung hạn	

2.2 Thúc đẩy các thỏa thuận có qua có lại và công nhận với các đối tác thương mại của quốc gia	<ul style="list-style-type: none">• Tìm hiểu các quy định về hỗ trợ kỹ thuật theo các FTA hiện hành để xây dựng trình độ chuyên môn và kinh nghiệm có thể chấp nhận cho việc trao đổi tài liệu được công nhận lẫn nhau.• Hợp tác với các nước đối tác FTA để tìm kiếm sự hỗ trợ cho quá trình kiểm toán như một cách để đảm phán các thỏa thuận công nhận lẫn nhau;<ul style="list-style-type: none">- Tiếp cận APEC, JICA, EU, Hàn Quốc, Úc, Hoa Kỳ;- Tìm hiểu tính khả thi của việc công nhận lẫn nhau về chứng nhận điện tử kiểm dịch thực vật (e-Phyto) và các tiêu chuẩn kỹ thuật (e-TBT) để tạo thuận lợi cho xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp, được khuyến khích theo Hiệp định ASEAN về thương mại điện tử. <p>Công nhận lẫn nhau là nền tảng để thiết lập các tuyến thương mại, được hỗ trợ bởi việc trao đổi dữ liệu và thông tin trước khi đến, chứng nhận, v.v.</p>	MOIT	<ul style="list-style-type: none">- MRA với một đối tác thương mại lớn bao gồm chứng nhận (2024);- Thêm một đối tác thương mại khác mỗi năm sau đó.
	2.2.2 Hoàn thiện/ban hành Biên bản ghi nhớ để cho phép trao đổi thông tin được công nhận lẫn nhau.		Ngắn hạn
	<ul style="list-style-type: none">• Với Hàn Quốc về hỗ trợ Thỏa thuận công nhận lẫn nhau để phối hợp trao đổi giấy chứng nhận xuất xứ điện tử.• Với New Zealand về giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và vệ sinh để giảm thiểu thời gian xác minh, chi phí và thời gian thông quan cho doanh nghiệp.• Các đối tác tiềm năng khác để trao đổi không cần giấy tờ xuyên biên giới các mẫu C/O, tờ khai xuất khẩu và chứng chỉ SPS là Úc, Mỹ, EU, Nhật Bản, Trung Quốc năm trong danh sách đàm phán tương lai.	MOIT	<p>Biên bản ghi nhớ với Hàn Quốc và New Zealand được ban hành;</p> <ul style="list-style-type: none">- Tiếp cận với ít nhất 3 đối tác thương mại quan trọng khác.
	2.2.3. Đàm phán triển khai hệ thống kiểm tra một cửa đối với thương mại xuyên biên giới, dựa trên kinh nghiệm của hệ thống với Lao Bảo (Việt Nam) và Densavan (Lào).		Trung hạn
	<ul style="list-style-type: none">• Đề cử một đầu mối lãnh đạo sự phối hợp của các cơ quan quản lý biên giới ở cấp tỉnh.• Tiếp cận các đối tác tương ứng ở Lào và Campuchia.• Đàm phán MoUs với các nước đối tác để triển khai hệ thống.• Kiểm tra khung pháp lý để tạo điều kiện cho cán bộ thực hiện nhiệm vụ của họ trên lãnh thổ nước láng giềng.	NTFC	<ul style="list-style-type: none">- Hệ thống kiểm tra một cửa đàm phán tại (1) cửa khẩu quốc tế Nà Pháo, tuyến đường 12 biên giới với Lào và (2) biên giới Mộc Bài - Bát với Campuchia.

3. Thuận lợi hóa thương mại kĩ thuật số nhằm đảm bảo tính minh bạch và khả năng dự đoán của các chủ tục.				
Mục đích hoạt động	Hoạt động	Cơ quan thực hiện	Thời gian&Mục tiêu	
3.1 Sửa đổi khung pháp lý, chức năng và cơ sở hạ tầng cho các giao dịch điện tử.	3.1.1 Ban hành Luật Giao dịch điện tử nhằm tạo môi trường pháp lý an toàn trong bối cảnh CMCN 4.0 và nhu cầu giao dịch điện tử tăng đột biến.		Ngắn hạn	- Luật Giao dịch điện tử có hiệu lực. - Bốn (4) chiến dịch nâng cao nhận thức được thực hiện ở cấp Quốc gia và cấp tỉnh.
	<ul style="list-style-type: none">Xác nhận sự phù hợp của dự thảo văn bản với cộng đồng doanh nghiệp, nếu có bất kỳ điều chỉnh đáng kể nào được dự kiến;Nâng cao nhận thức về khung pháp lý mới về giao dịch điện tử, ý nghĩa của nó và ứng dụng thực tế đối với các cơ quan chính phủ liên quan, các tổ chức hỗ trợ thương mại và đầu tư, các tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp và cộng đồng doanh nghiệp.	Bộ Thông tin và Truyền thông		
	3.1.2 Thúc đẩy việc sử dụng nhận dạng kỹ thuật số trong khu vực tư nhân để thực hiện tiết kiệm chi phí bằng cách tăng hiệu quả quy trình.		Trung hạn	- Ít nhất 4 chiến dịch nâng cao nhận thức được thực hiện cho các doanh nghiệp ở cấp trung ương và cấp tỉnh (ví dụ: thông qua các hiệp hội); - Cán bộ nhà nước được đào tạo về việc áp dụng hài hòa luật mới.
	<ul style="list-style-type: none">Nâng cao nhận thức về Nghị định số 59/2022/NĐ-CP về định danh và xác thực điện tử mới được ban hành.Cho phép thực hiện hài hòa các quy định về chữ ký điện tử trên toàn quốc; đảm bảo cơ sở hạ tầng mềm và cứng ở cấp tỉnh; điều chỉnh cơ sở pháp lý để cho phép sử dụng chữ ký điện tử an toàn cho quá trình kinh doanh. <i>Hoạt động này được liên kết với 3.1.1.</i>	Bộ Thông tin và Truyền thông		
	3.1.3 Ban hành Nghị định về bảo vệ dữ liệu cá nhân để thiết lập khung pháp lý bảo vệ dữ liệu toàn diện, hợp nhất các quy định rời rạc theo một bộ công cụ pháp lý, bao gồm các luật và quy định cụ thể của ngành (ví dụ: thương mại, ngân hàng, tài chính).		Trung hạn	- Nghị định về bảo vệ dữ liệu cá nhân có hiệu lực thi hành. - Hai (2) chiến dịch nâng cao nhận thức được thực hiện ở cấp Quốc gia và cấp tỉnh.
3.2 Thiết lập mạng lưới thông tin	3.1.4 Cấu trúc hệ thống công nghệ thông tin Hải quan tập trung, tích hợp để hỗ trợ thương mại không giấy tờ xuyên biên giới.		Dài hạn	
	<ul style="list-style-type: none">Xác nhận sự phù hợp của dự thảo văn bản với cộng đồng doanh nghiệp, nếu có dự kiến bất kỳ điều chỉnh đáng kể nào;Nâng cao nhận thức về khung pháp lý mới về Bảo vệ dữ liệu cá nhân, ý nghĩa của nó và ứng dụng thực tế đối với các cơ quan chính phủ liên quan, các tổ chức hỗ trợ thương mại và đầu tư, các tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp và cộng đồng doanh nghiệp.	Bộ Công an/Bộ Thông tin và Truyền thông		
	<ul style="list-style-type: none">Xây dựng trên các hệ thống hiện có của VNACCS/VICIS/VASSCM, xem xét các Giao diện lập trình ứng dụng (API) để cho phép các cơ quan đối tác lựa chọn và tùy chỉnh thông tin nào cần trích xuất và cách hiển thị trên trang web của họ.Kết hợp phân tích và vận hành tự động, dựa trên các công nghệ mới như dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và blockchain.Hợp lý hóa hệ thống thanh toán điện tử, đã được tích hợp trong Cổng thông tin hải quan điện tử để tránh sự phân mảnh của hệ thống. <i>Tích hợp chức năng cho người đi đường bộ bằng cách gửi bản kê khai trước cho hải quan.</i>	GDVC		- Một hệ thống công nghệ thông tin Hải quan tập trung, tích hợp được vận hành.
	3.1.5 Thí điểm tích hợp chức năng thanh toán điện tử cho các chủ tục xuất/nhập khẩu được lựa chọn thực hiện qua Cổng thông tin NSW.		Trung hạn	
	<ul style="list-style-type: none">Dựa trên kinh nghiệm về hải quan điện tử, xây dựng và triển khai các phương thức kỹ thuật, vận hành và pháp lý cho thanh toán điện tử cho 1-2 thủ tục.Tích cực tham gia thảo luận với các ngân hàng để đảm bảo sự tham gia và hỗ trợ của họ trong thanh toán điện tử.Cung cấp hướng dẫn về việc sử dụng các phương thức thanh toán điện tử để tạo thuận lợi cho các chủ tục xuất nhập khẩu (công bố hướng dẫn trên cổng thông tin tạo thuận lợi thương mại cũng như trong phần liên quan của NSW).Tổ chức chiến dịch nâng cao nhận thức cho cộng đồng doanh nghiệp, tập trung vào các doanh nghiệp vừa và nhỏ, liên quan đến tính năng thanh toán điện tử tại NSW.	Bộ Tài chính		- Một chức năng thanh toán điện tử ở NSW được phát triển và thí điểm; - Ít nhất 4 chiến dịch nâng cao nhận thức được thực hiện thông qua các hiệp hội ngành hoặc các kênh khác.
	3.2.1. Nâng cấp/Tái thiết kế Cổng thông tin thương mại quốc gia thành một mạng lưới tin báo thương mại mạch lạc, tổng hợp và công bố tất cả các thông tin quy định liên quan đến thương mại liên quan đến nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh hoặc chuyển tải. Các hành động sau đây là bắt buộc:		Ngắn hạn	

3.2 Thiết lập mạng lưới thông tin thương mại mạch lạc.	3.2.1. Nâng cấp/tái thiết kế Cổng thông tin thương mại quốc gia thành một mạng lưới tình báo thương mại mạch lạc, tổng hợp và công bố tất cả các thông tin quy định liên quan đến thương mại liên quan đến nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh hoặc chuyển tải. Các hành động sau đây là bắt buộc:			
	<ul style="list-style-type: none">Chỉ định rõ ràng một nhiệm vụ của chính phủ cho cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm bảo trì cổng thông tin để trao quyền cho nó thu thập, quản lý và chia sẻ thông tin quy định liên quan đến thương mại.Chính thức hóa trách nhiệm và cơ chế trách nhiệm giải trình giữa cơ quan chủ trì và các cơ quan đóng góp thông qua các biên bản ghi nhớ/hợp tác để cập nhật thông tin.Lựa chọn và triển khai mô hình cấu trúc tối ưu cho hoạt động của cổng thông tin, dựa trên việc sửa đổi các nền tảng web liên quan đến thương mại hiện có của Việt Nam (xem xét các mô hình tập trung, phi tập trung và kết hợp theo lộ trình của UNCTAD đối với NTIP).	NTFC		<ul style="list-style-type: none">Cơ quan chủ trì được giao;Biên bản ghi nhớ giữa cơ quan chủ trì và các cơ quan/tổ chức khác thiết lập trao đổi thông tin;Kế hoạch nâng cấp TIP được xây dựng và thực hiện.
	3.2.2. Bố trí nhiệm vụ quản lý TIP trong cơ quan chủ trì được giao nhiệm vụ xây dựng và triển khai Cổng thông tin điện tử với các nguồn lực và kỹ năng kỹ thuật cần thiết.	Ngắn hạn		
	<ul style="list-style-type: none">Đào tạo đối ngũ được giao về vận hành back-end và quản trị cổng thông tin.Xây dựng hướng dẫn triển khai chuẩn hóa về quản lý nội dung website, bảo trì kỹ thuật, truyền thông xã hội.	NTFC		<ul style="list-style-type: none">Một đơn vị quản lý TIP được chính thức hóa và đào tạo.
	3.2.3. Thực hiện các chiến dịch thông tin để thúc đẩy các công cụ kỹ thuật số và trực tuyến có sẵn cho các bên liên quan thông qua các hành động sau:	Trung hạn		
	<ul style="list-style-type: none">Phương tiện truyền thông (báo chí, tài liệu quảng cáo, website và mạng xã hội).Hợp tác với khu vực tư nhân thông qua các hội thảo, nhóm tập trung, diễn đàn hoặc các cuộc họp chuyên đề).Phổ biến thông tin trên các trang web khác (nhúng và API *kỹ thuật trao đổi dữ liệu như dịch vụ web) *Lưu ý: Giao diện lập trình ứng dụng (API), có thể được sử dụng để cho phép các cơ quan đối tác lựa chọn và tùy chỉnh thông tin nào cần trích xuất và cách hiển thị thông tin đó trên trang web của họ.	MOIT		<ul style="list-style-type: none">Ít nhất 2 chiến dịch nâng cao nhận thức được thực hiện hàng năm.
	3.2.4. Phát triển Hệ thống quản lý yêu cầu hải hòa (EMS) trong Mạng thông tin thương mại hiện có để đảm bảo đáp ứng hiệu quả và kịp thời nhu cầu kinh doanh:	Ngắn hạn		
	<ul style="list-style-type: none">Tích hợp các chỉ tiết liên lạc - điểm yêu cầu - cho từng bước hành chính trong quá trình xuất nhập khẩu; Thiết lập không gian để người dùng gửi câu hỏi.Chỉ định một người đầu mối để xử lý các truy vấn, bằng cách trả lời hoặc bằng cách giới thiệu đến một tổ chức có liên quan.Tạo thông báo trả lời tự động xác nhận với người dùng rằng thư của họ đang được xử lý và giới thiệu người dùng đến phần Câu hỏi thường gặp trong thời gian chờ đợi.Trả lời thắc mắc trong thời hạn hợp lý do Chính phủ quyết định.	MOIT		<ul style="list-style-type: none">EMS được tích hợp và thí điểm trong TIP.

Tài liệu tham khảo

1. ASEAN portal: <https://asw.asean.org/index.php/archives/agreements/item/memorandum-of-understanding-on-the-implementation-of-the-asean-single-window-pilot-project>
2. ASEAN Single Window and Links to e-Phyto: https://assets.ippc.int/static/media/files/publication/en/2018/02/GhazaliZakaria_ASW_25January_dBhUkbh.pdf
3. ASEAN Single Window: Achievements, Benefits, and Future Plans, 2020: <https://www.dropbox.com/s/cremp71or53861y/ASW%20all%20in%20One-final%20draft-Jan%202020%20all%2010%20AMS.pdf?dl=0>
4. ASEAN trade facilitation is the driving force of regional economic recovery: <https://thitruong-vietnam.vn/hoi-nhap/thuan-loi-hoa-thuong-mai-asean-la-dong-luc-cua-phuc-hoi-kinh-te-khu-vuc-225732.html>
5. Businesses' Satisfaction with Import-Export Administrative Procedures, Findings from the 2020 Survey: http://vibonline.com.vn/wp-content/uploads/2021/07/HAI-QUAN-EN_20210709.pdf
6. Coordinated Border Management: From theory to practice, World Customs Journal: http://www.wcoomd.org/-/media/wco/public/global/pdf/topics/research/research-paper-series/19_cbm_polner_en.pdf?db=web
7. Cross-border Paperless Trade Toolkit, WTO, UNESCAP, UNCITRAL, 2022: https://www.wto.org/english/res_e/booksp_e/paperlesstrade2022_e.pdf
8. Digital and Sustainable Trade Facilitation: Global Report 2021: <https://www.unescap.org/kp/2022/untf-survey-2021-global>
9. Ensuring effective trade policy dialogue in Vietnam – interim report on private and public stakeholder perceptions, Swiss Trade Policy, and Promotion Project, 2022
10. Final Report: Support and Increase the Role and Effectiveness of the Vietnam National Trade Facilitation Committee, Trade Facilitation Program, USAID, 2020
11. Helble, Mann and Wilson, 'Aid-for-trade facilitation'
12. ICC rules: <https://iccwbo.org/resources-for-business/incoterms-rules/incoterms-2020/>
13. Integrating SMEs in Authorized Economic Operator Certification: Improving SME Participation in APEC Secure Trade APEC Sub-Committee on Customs Procedures, 2021: https://www.apec.org/docs/default-source/publications/2021/2/integrating-smes-in-authorized-economic-operator-certification/221_sccp_integrating-smes-in-authorized-economic-operator-certification-2.pdf?sfvrsn=8c0ca64c_1
14. Managing Risk for Safe, Efficient Trade, Guide for border regulators, ITC, 2022
15. Business Satisfaction and Time Needed to Carry out Administrative Procedures through the National Single Window: <http://vibonline.com.vn/wp-content/uploads/2020/11/Business-satisfaction-and-time-needed-to-carry-out-administrative-procedures-through-the-national-single-window.pdf>
16. Organisation for Economic Co-operation and Development (OECD), 'Getting goods across borders in times of COVID-19'
17. Trade Facilitation Best Practices in Use of Expedited shipments, the case of US, WTO case studies
18. Trade facilitation for e-commerce. A. Huria, World Bank 2019
19. United Nations Global Survey on Digital and Sustainable Trade Facilitation, 2021: <https://www.untfsurvey.org/>
20. Viet Nam National Single Window <https://vnsw.gov.vn/profile/detailNews.aspx?id=277>
21. World road transport organisation (IRU) <https://www.iru.org/news-resources/newsroom/talks-tir-progress-vietnam>
22. WTO News on Viet Nam: https://www.wto.org/english/news_e/spra_e/spra120_e.htm
23. WTO, Trade Facilitation Agreement Facility, retrieved on 02.08.2022 from: [<https://tfafacility.org/>]

Phụ lục I: Danh sách mạng lưới hỗ trợ thương mại và các dự án phát triển

Mạng lưới hỗ trợ chính sách	
Bộ Công Thương (MOIT)	
Vụ Kế hoạch	Thực hiện chức năng tham mưu, trợ giúp Bộ Công Thương quản lý nhà nước trong lĩnh vực xây dựng, quản lý và thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; thống kê; đầu tư; các chương trình, đề án phát triển ngành.
Cục Xuất nhập khẩu	Tham mưu, trợ giúp Bộ Công Thương quản lý nhà nước và thực thi pháp luật trong các lĩnh vực hoạt động xuất nhập khẩu, xuất xứ hàng hóa, mua bán hàng hóa quốc tế, đại lý mua, bán, gia công, quá cảnh hàng hóa với nước ngoài.
Vụ Khoa học và Công nghệ	Tham mưu, trợ giúp Bộ Công Thương trong công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ; sáng kiến; an toàn thực phẩm; công nghệ sinh học; an toàn sinh học; tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm; sở hữu trí tuệ trong công thương.
Vụ Thị trường châu Á, châu Phi	Tư vấn và quản lý các chính sách và phát triển quan hệ kinh tế, thương mại, lao động của Việt Nam với các nước, vùng lãnh thổ, khu vực, các tổ chức kinh tế, thương mại ở các khu vực cụ thể.
Vụ Thị trường châu Âu, châu Mỹ	
Vụ Chính sách thương mại đa biên	Tham mưu, trợ giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước về hội nhập kinh tế, thương mại trong khuôn khổ hợp tác với WTO, ASEAN, giữa ASEAN+; APEC; ASEM; UNCTAD và các tổ chức kinh tế và thương mại quốc tế khác và đàm phán các hiệp ước thương mại quốc tế.
Cục Xúc Tiến Thương mại (VIETRADE)	Tư vấn, quản lý, giám sát các hoạt động xúc tiến thương mại và đầu tư. Văn phòng chính của VIETRADE đặt tại Hà Nội (miền Bắc Việt Nam). Đơn vị có 5 văn phòng đại diện tại thành phố Đà Nẵng (miền Trung Việt Nam), thành phố Hồ Chí Minh (miền Nam Việt Nam), thành phố New York (Mỹ), thành phố Trùng Khánh (Trung Quốc) và tỉnh Hàng Châu (Trung Quốc). VIETRADE đang dẫn đầu tất cả các hoạt động xúc tiến thương mại.
Trung tâm Ứng dụng công nghệ thông tin xúc tiến thương mại (INTEC)	Cung cấp dịch vụ CNTT hỗ trợ Cục Xúc tiến thương mại và đơn vị xúc tiến thương mại địa phương trong các hoạt động xúc tiến nhằm đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, khách hàng, đối tác.
Cục Công Thương địa phương	Quản lý nhà nước trong xây dựng, quản lý, tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; Thống kê; đầu tư; chương trình, đề án. Chịu trách nhiệm giám sát các cơ quan thương mại tại 63 tỉnh/thành phố Việt Nam
Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số (IDEA):	Chức năng quản lý trong hoạt động thương mại điện tử và kinh tế số; tổ chức, quản lý các dịch vụ công phục vụ quản lý nhà nước.
Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI)	
Cục Phát triển doanh nghiệp	Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, phát triển kinh doanh và đổi mới sáng tạo.
Cục Đầu tư nước ngoài	Xây dựng chiến lược, kế hoạch, cơ chế, chính sách về đầu tư nước ngoài và đầu tư ra nước ngoài; tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, hướng dẫn thủ tục đầu tư.
Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (MARD)	
Vụ Hợp tác quốc tế	Tham mưu, tổng hợp quan điểm chính thức của các nước về hợp tác quốc tế và hội nhập quốc tế.
Cục chế biến và phát triển thị trường Nông sản	(AGROTRADE) Chịu trách nhiệm phát triển thị trường nông, lâm, thủy sản; điều phối các hoạt động phát triển thị trường.
Bộ Y tế	
Cục An toàn thực phẩm / VFA	Cơ quan chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế, thực hiện nhiệm vụ tham mưu, trợ giúp Bộ trưởng Bộ Y tế trong quản lý nhà nước và thực thi pháp luật trong lĩnh vực an toàn thực phẩm.
Cục Quản lý Dược	Tham mưu, trợ giúp Bộ trưởng Bộ Y tế quản lý nhà nước và thực thi pháp luật trong lĩnh vực quản lý dược trong phạm vi cả nước thuộc trách nhiệm của Bộ Y tế, kể cả thuốc xuất khẩu, nhập khẩu.
Bộ Khoa học và Công nghệ	
Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và cung cấp dịch vụ kỹ thuật cho các cá nhân, tổ chức trong phạm vi cả nước về thử nghiệm, kiểm định, chứng nhận.
Bộ Giao thông Vận tải	
Vụ Hợp tác quốc tế	Tham mưu, trợ giúp Bộ trưởng trong công tác quản lý hợp tác và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực giao thông vận tải.
Bộ Tài chính (MOF)	
Cục tài chính doanh nghiệp	Quản lý nhà nước về tài chính doanh nghiệp; Thực hiện quản lý tài chính.

Policy Support Network	
Tổng cục Hải quan (GDVC)	Quản lý nhà nước về tài chính doanh nghiệp; Thực hiện quản lý tài chính.
Mạng lưới dịch vụ thương mại	
Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công thương (VIOIT)	Phối hợp với các tổ chức có liên quan xây dựng chiến lược, kế hoạch, đề án, dự án, chương trình, chính sách phát triển ngành, lĩnh vực trong công nghiệp và thương mại.
Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại (VITIC)	VITIC có chức năng thu thập, tổng hợp, phân tích, cung cấp thông tin về kinh tế, công nghiệp, thương mại, thị trường, thương nhân phục vụ công tác quản lý nhà nước.
Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (CIEM)	Tổ chức nghiên cứu khoa học thuộc MPI, nghiên cứu về cơ chế, chính sách quản lý kinh tế và phát triển doanh nghiệp; thực hiện các hoạt động tư vấn.
Viện chính sách và chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn (IPSARD)	Cung cấp thông tin đa chiều, đa phương tiện để hỗ trợ quá trình ra quyết định trong quản lý, sản xuất, thương mại, đầu tư liên quan đến nông nghiệp và phát triển nông thôn.
Ủy Ban Quản Lý Vốn Nhà Nước Tại Doanh Nghiệp (CMSC)	Đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và vốn nhà nước đầu tư vào công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn nhiều thành viên.
Mạng lưới dịch vụ kinh doanh	
Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)	Thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp; thúc đẩy, hỗ trợ các hoạt động thương mại, đầu tư; thực hiện các hoạt động kinh doanh khác cho cộng đồng doanh nghiệp trong và ngoài nước. Đại diện cho cộng đồng doanh nghiệp tham gia vào quá trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, liên quan đến doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh thương mại.
Hiệp Hội Dệt May Việt Nam (VITAS)	Nhóm doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xuất khẩu, tiêu thụ và dịch vụ dệt may chuyên nghiệp tại Việt Nam.
Hiệp hội Da- Giày- Túi xách Việt Nam (LEFASO)	Tổ chức xã hội- nghề nghiệp của tổ chức, công dân Việt Nam, kinh doanh trong ngành da- da giày- túi xách.
Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA)	VSA là một tổ chức phi chính phủ thực hiện sản xuất, chế biến và kinh doanh các sản phẩm thép, nguyên liệu thô và các tổ chức dịch vụ liên quan đến ngành thép tại Việt Nam. Mục đích của VSA là thúc đẩy hợp tác giữa các thành viên và xúc tiến thương mại cho các thành viên.
Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP)	Thành viên VASEP bao gồm các nhà sản xuất và xuất khẩu thủy sản hàng đầu Việt Nam với các công ty cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực thủy sản. VASEP đặt mục tiêu phối hợp, liên kết hoạt động của doanh nghiệp, nâng cao giá trị, chất lượng, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất thủy sản Việt Nam, tăng cường nguồn nguyên liệu cho xuất khẩu thủy sản, đại diện và bảo vệ lợi ích hợp pháp của các thành viên.
Hiệp Hội Các Doanh Nghiệp Nhỏ Và Vừa Việt Nam (VINASME)	VINASME là một tổ chức xã hội – nghề nghiệp nhằm tăng cường hợp tác và hỗ trợ giữa các thành viên. VINASME cũng là cầu nối giữa SME và Chính phủ, đại diện cho lợi ích của thành viên trong quá trình hoạch định chính sách/chiến lược.
Hiệp Hội Công Nghiệp Hỗ Trợ Việt Nam (VASI)	Là một tổ chức độc lập, phi chính phủ và phi lợi nhuận đại diện cho ngành sản xuất và công nghiệp hỗ trợ tại Việt Nam. Các hoạt động của VASI chủ yếu bao gồm nâng cao năng lực thành viên thông qua đào tạo và tư vấn; kết nối kinh doanh với người mua và nhà xuất khẩu trong nước; cung cấp nghiệp vụ thông minh. Các thành viên đóng góp ý kiến cho Chính phủ, các tập đoàn lớn và các đối tác khác.
Hiệp hội Các nhà sản xuất Ô tô Việt Nam (VAMA)	Khuyến khích sự phát triển và tiến bộ của ngành công nghiệp ô tô Việt Nam; Tham gia vào các chương trình nghiên cứu và phát triển ô tô cũng như đảm bảo bảo vệ môi trường cao ở Việt Nam.
Hiệp hội Thương mại Điện tử Việt Nam (VECOM)	VECOM là tổ chức xã hội bao gồm các công ty, tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh thương mại điện tử; ứng dụng thương mại điện tử trong quá trình hoạt động; nghiên cứu và cung cấp dịch vụ thương mại điện tử. Hiệp hội hoạt động trên cơ sở tự nguyện và phi lợi nhuận, với mục đích tập hợp, đoàn kết, hợp tác, hỗ trợ hội viên phát triển thương mại điện tử.
Hiệp hội Doanh nghiệp Dịch vụ Logistics Việt Nam (VLA)	VLA là tổ chức liên kết nghề nghiệp được thành lập tự nguyện bởi các tổ chức, doanh nghiệp và công dân Việt Nam, đã đăng ký hoạt động trong ngành giao nhận vận tải và logistics thương mại. Mục đích của VLA là hợp tác, liên kết và giúp đỡ lẫn nhau trong việc phát triển các hoạt động nghề nghiệp, nâng cao hiệu quả kinh doanh, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các thành viên và tương tác với các tổ chức nghề nghiệp trong khu vực và thế giới.

Mạng lưới hỗ trợ chính sách	
Hiệp hội nhựa Việt Nam (VPA)	VPA là tổ chức phi chính phủ tự nguyện của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa. Mục đích của Hiệp hội là liên kết, hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau về kinh tế, công nghệ trong nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nâng cao giá trị sản phẩm; đại diện và bảo vệ lợi ích hợp pháp của thành viên.
Hiệp hội Giấy và Bột giấy Việt Nam (VPPA)	Mục tiêu chính là tập hợp, tổ chức và tạo điều kiện để các thành viên hợp tác, hợp lực, hỗ trợ lẫn nhau; cung cấp dịch vụ tư vấn; Cung cấp thông tin liên quan trong nước và quốc tế về kỹ thuật, môi trường, thị trường, sản xuất, bán hàng, quản lý, đào tạo và đầu tư.
Tập đoàn Nhà nước	
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (VINATEX)	Lớn nhất trong ngành dệt may, tập đoàn có 45 công ty thành viên, lên đến 80.000 nhân viên. Doanh thu xuất khẩu của là 3 tỷ USD.
Tổng công ty Cà phê Việt Nam (VINACAFE)	VINACAFE có 45 công ty thành viên và chiếm 30% thị phần xuất khẩu hạt cà phê của Việt Nam.
Hiệp hội Doanh nghiệp Quốc tế	
Hiệp hội Doanh nghiệp Anh (BBGV)	Kết nối kinh doanh; tư vấn kinh doanh; nghiên cứu thị trường, cơ hội xuất khẩu; kinh doanh tại Việt Nam.
Phòng Thương mại Châu Âu tại Việt Nam (EUROCHAM)	
Hiệp hội Doanh nghiệp Úc	Kết nối kinh doanh; Hoạt động vận động chính sách kinh doanh.
Hiệp hội Doanh nghiệp Hoa Kỳ	Phát triển thương mại và đầu tư giữa Hoa Kỳ và Việt Nam; kết nối kinh doanh; hợp tác với các tổ chức quốc tế và địa phương khác vì lợi ích chung;.
Hiệp hội Doanh nghiệp các nước Bắc Âu	Tạo thuận lợi và tăng cường dòng chảy đầu tư, kinh doanh và thương mại hai chiều giữa Việt Nam và các nước Bắc Âu.
Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VBF)	VBF được thành lập vào năm 1997 như một nền tảng phi lợi nhuận, phi chính trị cho một cuộc đối thoại công-tư. Các mục tiêu chính của VBF bao gồm tạo ra con đường dẫn đến hiệu quả kinh doanh lâu dài và bền vững, thúc đẩy lợi ích của cộng đồng doanh nghiệp trong nước và quốc tế tại Việt Nam, và tăng cường đầu tư và thương mại tại thị trường trong và ngoài nước. VBF hoạt động để cung cấp nghiên cứu, phân tích pháp lý, xác định các vấn đề và giải pháp thực tế.
Các dự án liên quan đến thương mại	
Dự án ARISE+	Dự án do EU tài trợ "Hỗ trợ kỹ thuật cho Chương trình ARISE+ tại Việt Nam", trong đó nhiệm vụ này là một phần, cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho Chính phủ Việt Nam nhằm tối đa hóa lợi ích của Việt Nam từ các chế độ thương mại ưu đãi. Dự án tập trung vào các hiệp định khu vực và Hiệp định Thương mại Tự do EU-Việt Nam (FTA) và Hiệp định Bảo hộ Đầu tư (IPA). Tổng ngân sách là 6 triệu EUR trong thời gian 5 năm.
Dự án Tạo thuận lợi Thương mại - USAID	Chương trình Tạo thuận lợi Thương mại kéo dài 5 năm của USAID (2018 – 2023) nhằm hỗ trợ Chính phủ Việt Nam áp dụng và thực hiện cách tiếp cận quản lý rủi ro đối với các cơ quan hải quan và kiểm tra chuyên ngành. Chương trình này sẽ tăng cường thực hiện Hiệp định Tạo thuận lợi Thương mại (TFA) của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) mà cả Việt Nam và Hoa Kỳ đều là thành viên. Tổng cộng, Chương trình Tạo thuận lợi Thương mại của USAID có hơn 20 hoạt động đang diễn ra, bao gồm các công việc liên quan đến Cơ chế một cửa quốc gia, hỗ trợ hải quan cải thiện hải quan điện tử, phân tích việc thực hiện TFA ở Việt Nam, phát triển cải cách hệ thống AEO, v.v. Tổng ngân sách cho dự án 5 năm là 21,7 triệu USD.

Phụ lục II: Các đại biểu tham gia tham vấn

Tên	Vị trí	Công ty hoặc tổ chức
Bui Quang Hung	Giám đốc, Trung tâm Xúc tiến xuất khẩu	Vietrade
Hoang Ha		Văn phòng tạo thuận lợi thương mại
Le Dai Duong	Giám đốc SGS Quảng Ninh, Giám đốc Kinh doanh Dịch vụ Khoáng sản	SGS Việt Nam
Le Tieu Minh	Người sáng lập	Công ty Cổ phần Logistics Việt Nam (Vinalogistic)
Le Xuan Linh	Phó Giám đốc	Công ty Cổ phần Rau quả Việt Xô.
Tư vấn nhóm liên ngành: Phạm Minh Quang Dinh Sy Minh Lang Tran Duy Hung Hoang Ha	Cục Công nghiệp; Phòng Khoa học & Công nghệ; Vụ Kế hoạch; Vụ Thị trường Mỹ- EU; Vụ Châu Á- Châu Phi; thị trường PMU	MOIT
Nguyen Anh Duong	Trưởng phòng Nghiên cứu	Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương CIEM
Nguyen Dinh Vuong	Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội	Công ty TNHH SITC Bondex Việt Nam Logistics
Nguyen Kim Thoa	Điều phối viên Hợp phần 3	Vietrade
Nguyen Thi Minh Trang	Cán bộ Hải quan, Cục Hợp tác quốc tế	Tổng cục Hải quan Việt Nam
Nguyen Thi My Huong	Phó Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Hữu nghị Xuân Cường
Pham Minh Quang	Cán bộ cao cấp	Vụ Thị trường châu Âu- châu Mỹ, Bộ Công Thương
Pham Thi Cam Anh	Trụ cột nghiên cứu	Chương trình WTO Chairs
Pham Thi Ngan	Phó Giám đốc Logistics	Piaggio Việt Nam
Phan Thi Thu Hien	Trưởng khoa Kinh doanh Quốc tế, Trường Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế	Đại học Ngoại thương
Representative	Cục Đảm bảo chất lượng nông lâm thủy sản quốc gia (NAFIQAD)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Tran Chi Dung	Ủy viên Ban Chấp hành	Hiệp hội Doanh nghiệp Logistics Việt Nam (VLA)
Representative	Tổng cục Tiêu chuẩn, Đo lường Chất lượng, Quatest 1	Bộ Khoa học và Công nghệ
Representative	Cục An toàn thực phẩm Việt Nam/VFA	Bộ Y tế
To Manh Linh	Phó Giám đốc Marketing	Vina Control
Tran Duy Hung		Văn phòng hoạch định chính sách
Tran Thi Lan	Trưởng phòng Xuất nhập khẩu	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Nam Phương
Trinh Thi Ngan	Trưởng ban cố vấn	Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Hà Nội
Nguyen Thi Thanh Hoa	Giám đốc	Eubiz Viet Nam., Jsc
Nguyen Hoai Nam	Phó Tổng Giám đốc	Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP)
Nguyen Thuy Duong	Phó Trưởng phòng Pháp chế và Thanh tra	Cục An toàn thực phẩm Việt Nam (VFA)
Tran Nhat Nam	Phó Trưởng phòng Pháp chế và Thanh tra	Cục An toàn thực phẩm Việt Nam (VFA)
Phung Thi Lan Phuong	Trưởng ban FTA	Trung tâm WTO và Thương mại quốc tế- VCCI
Nguyen Kim Thoa	Cán bộ	Vietrade